



ISO 9001 - ISO 22000

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG



Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.



masco@masco.com.vn



www.masco.vn



0236.3826.680



MỤC LỤC

9. THÔNG TIN CHUNG

- 10. Thông tin khái quát
- 12. Quá trình hình thành và phát triển
- 14. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18. Thông tin về mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 20. Định hướng phát triển
- 24. Các nhân tố rủi ro



31. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

32. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

38. Tổ chức và nhân sự

69. Phát triển bền vững

55. BÁO CÁO BÁO CÁO CỦA BĐH

56. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

58. Tình hình tài chính

60. Cải tiến về cơ cấu về tổ chức, chính sách QL

61. Kế hoạch phát triển trong tương lai

61. Giải trình của BĐH với ý kiến của kiểm toán



THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và các đơn vị đối tác

Lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không sân Đà Nẵng (MASCO), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý cổ đông cùng các đối tác đã tin tưởng vào đội ngũ lãnh đạo, nhân viên trong Công ty trong những năm qua.

Với tác động quá lớn của Đại dịch Covid-19 hoành hành trong hơn hai năm qua, các chỉ tiêu tăng trưởng về du lịch, dịch vụ của ngành du lịch Việt Nam nói chung và của Đà Nẵng nói riêng đã tăng trưởng thấp, kéo theo sự sụt giảm của các ngành Hàng không, thương mại, giao thông, dịch vụ... gây thiệt hại nặng nề cho các Doanh nghiệp hoạt động trong ngành kinh doanh dịch vụ, du lịch.

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ Hàng không, MASCO đã không tránh khỏi những tác động nặng nề từ đại dịch, đặc biệt trong năm 2021 với những diễn biến phức tạp của dịch, các quy định giãn cách xã hội, các biện pháp phòng chống dịch trong những khoảng thời gian dịch bùng phát dữ dội trong năm đã làm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của MASCO bị buộc phải dừng hoạt động, các hãng Hàng không trong nước cắt giảm chuyến bay, cắt giảm các tiêu chuẩn phục vụ hành khách..., các hãng Hàng không nước ngoài vẫn chưa mở lại đường bay thương mại đến các sân bay mà MASCO có cơ sở cung ứng dịch vụ đã làm cho hoạt động SXKD trong năm 2021 càng thêm chông chênh khó khăn, các nguồn lực tài chính ngày càng kiệt quệ,

Đối mặt với những khó khăn, ảnh hưởng quá lớn trong hai năm liên tiếp do đại dịch, được sự chỉ đạo của HĐQT Công ty, cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ quản lý và người lao động toàn Công ty. MASCO đã tập trung đẩy mạnh các lĩnh vực hoạt động có hiệu quả, tiết giảm tối đa chi phí, động viên CBCNV cùng thực hiện chính sách thắt lưng buộc bụng để vượt qua khó khăn, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chúng tôi tin rằng, với sự lãnh đạo sáng suốt của Ban điều hành và sự chỉ đạo sát sao, dẫn dắt của HĐQT cùng với những nỗ lực, những chiến lược kinh doanh của CB-CNV giàu kinh nghiệm, tâm huyết với Công ty sẽ giúp MASCO vượt qua những khó khăn còn bộn bề phía trước và từng bước vực dậy Công ty, tiếp tục phát triển và tạo ra những giá trị cho Quý Cổ đông, Quý đối tác và khách hàng của Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý Cổ đông, Quý khách hàng, sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, sự tận tâm của Ban điều hành và đặc biệt gửi lời tri ân đến những CB-CNV đã không ngừng cống hiến, nhiệt huyết và tận tâm vì sự tồn tại và phát triển của MASCO.

Trân trọng !

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký)

ĐÀO MẠNH KIÊN

63. BÁO CÁO CỦA HĐQT

69. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

72. QUẢN TRỊ CÔNG TY

80. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

SỨ MỆNH

Luôn phát triển và cung cấp các dịch vụ theo những yêu cầu cao nhất của khách hàng, dựa trên các giá trị cốt lõi của Công ty, chúng tôi cam kết về chất lượng hàng hóa dịch vụ, tính hiệu quả của chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tinh thần đoàn kết của cán bộ CNV trong mọi hoàn cảnh và sự cống hiến cho khách hàng.

Trong khi duy trì vị trí chủ chốt trong lĩnh vực cung cấp suất ăn hàng không cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài tại khu vực miền Trung, chúng tôi cũng cam kết một chiến lược đa dạng hóa ngành nghề để nắm bắt cơ hội phát triển mới, giảm sự phụ thuộc vào một nguồn thu nhập duy nhất và tạo thêm giá trị cho các cổ đông và người lao động;

TẦM NHÌN

Để luôn trở thành một đơn vị cung ứng suất ăn trên tàu bay chủ đạo tại các sân bay tại khu vực miền Trung, chúng tôi không ngừng thực hiện quá trình cải tiến liên tục, đổi mới, và đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng với những lợi ích tốt nhất của Công ty. Theo đó Công ty cần duy trì và cam kết:

- Ỗ Định hướng khách hàng: Cung cấp cho khách hàng những hàng hóa dịch vụ phù hợp với sự mong đợi của khách hàng và phù hợp với năng lực, giá trị cốt lõi của Công ty
- Ỗ Tinh thần đoàn kết của người lao động trong toàn Công ty
- Ỗ Tăng cường tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quan hệ khách hàng, cổ đông.
- Ỗ Phát triển bền vững dựa trên những năng lực, giá trị cốt lõi của Công ty.
- Ỗ Luôn cải tiến liên tục, đổi mới và Cam kết về chất lượng đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ Công ty cung cấp.

CHIẾN LƯỢC

Công ty cam kết thực hiện và đáp các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận và các quy định yêu cầu của địa phương đối với lĩnh vực, sản phẩm của Công ty cung cấp.

Công ty đảm bảo văn hóa an toàn tích hợp trong tổ chức của Công ty.

Công ty cam kết đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan: người lao động, khách hàng, nhà nước và cổ đông.

Công ty cam kết cung cấp những hàng hóa, dịch vụ tốt nhất, giá tốt nhất vượt quá mong đợi của khách hàng.

Công ty luôn tăng cường và duy trì khả năng cạnh tranh trong mọi hoàn cảnh, thời điểm.

Công ty hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực của Công ty đáp ứng yêu cầu của sản xuất và qui định của Pháp luật.



PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

- 10. Thông tin khái quát
- 12. Quá trình hình thành và phát triển
- 14. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 20. Định hướng phát triển
- 24. Các yếu tố rủi ro

Thông tin khái quát



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Tên tiếng Anh	DANANG AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY	Địa chỉ	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tên viết tắt	MASCO	Số điện thoại	0236.3830340
Giấy chứng nhận ĐKDN	0400102045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 05/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/04/2017.	Số fax	0236.3826133
Vốn điều lệ	42.676.830.000VND	Website	www.masco.com.vn
		Mã Cổ phiếu	MAS

Quá trình hình thành và phát triển

1991

Công ty Dịch vụ cụm cảng hàng không sân bay miền Trung (Middle Airports Services Company – MASCO) trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 1808/QĐ-TCCBLĐ của Bộ Giao thông vận tải ngày 11/10/1991 trên cơ sở các bộ phận dịch vụ, xây dựng công trình hàng không tại các sân bay thuộc Cụm cảng Hàng không miền Trung (sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Nha Trang..), thực hiện các dịch vụ cung ứng suất ăn, bán hàng bách hóa, dịch vụ ăn uống, kinh doanh ta-xi, xây dựng và sửa chữa các công trình hàng không

1995

Đổi tên thành Công ty Cung ứng dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 1808/QĐ-TCCBLĐ của Bộ Giao thông vận tải ngày 11/10/1991

1996

Công ty Dịch vụ cụm cảng hàng không sân bay miền Trung (Middle Airports Services Company – MASCO) trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 1808/QĐ-TCCBLĐ của Bộ Giao thông vận tải ngày 11/10/1991 trên cơ sở các bộ phận dịch vụ, xây dựng công trình hàng không tại các sân bay thuộc Cụm cảng Hàng không miền Trung (sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Nha Trang..) , thực hiện các dịch vụ cung ứng suất ăn, bán hàng bách hóa, dịch vụ ăn uống, kinh doanh ta-xi, xây dựng và sửa chữa các công trình hàng không

2014

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 350/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 30/06/2014 với mã chứng khoán MAS.

2009

Công ty đã đăng ký giao dịch trên sàn UpCOM và được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Giao dịch chính thức được thực hiện từ ngày 09/09/2009.

2007

Ngày 12/6/2007, Công ty hoàn thành thủ tục đăng ký và trở thành công ty đại chúng theo pháp luật. Công ty đã được trao tặng bằng khen huân chương lao động hạng Ba do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng.

2006

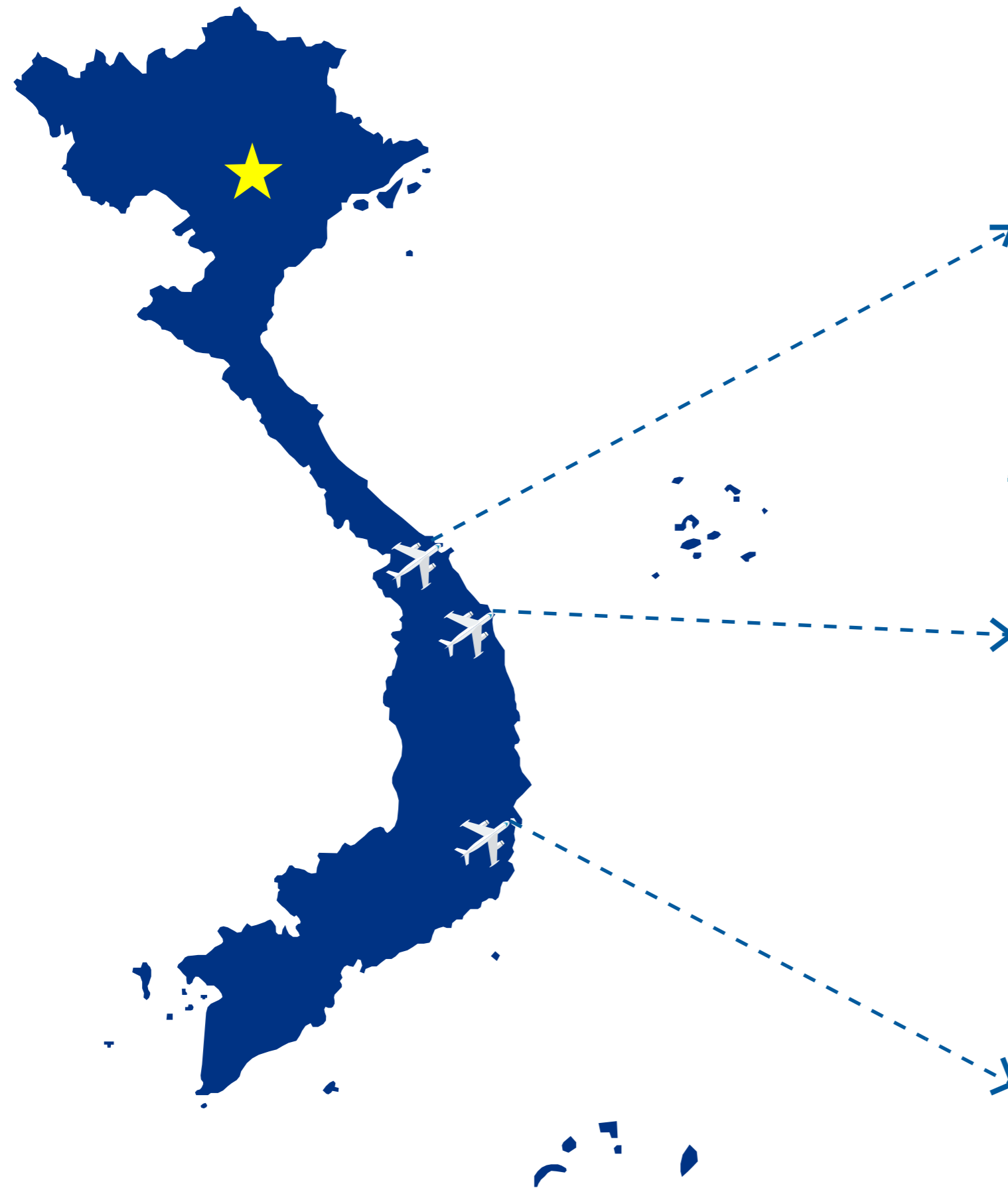
Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Chính phủ, theo quyết định số 372TTg ngày 04/04/2003, ngày 23/9/2005 Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO) thành Công ty cổ phần. Ngày 03/03/2006 Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 03/03/2006 và thông qua điều lệ hoạt động. Vốn điều lệ của Công ty 15.000.000.000 đồng.

Ngày 05/04/2006, Công ty Cổ phần chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 (Nay đổi thành số 0400102045) do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp

2021

Đến nay, trải qua hơn 30 năm (1991-2021) kể từ khi thành lập, cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế nói chung và ngành Hàng không nói riêng, MASCO ngày càng lớn mạnh và đóng vai trò quan trọng trong kinh doanh dịch vụ tại các cảng Hàng không sân bay miền Trung với các đơn vị trực thuộc.

Ngành nghề và địa bàn hoạt động



PHÚ BÀI



ĐÀ NẴNG



CAM RANH



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Cung cấp suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên tàu bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay;
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng ô tô, Taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Kinh doanh hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, lưu niệm;
- Kinh doanh gia công may mặc;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Đại lý vé máy bay;
- Đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, đường sắt;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống giải khát, rượu bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Đào tạo dạy nghề lái xe ô tô, mô tô các hạng

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Hiện tại Công ty hoạt động kinh doanh trên ba sân bay lớn tại miền Trung: Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh và được phân thành hai nhóm thị trường dựa vào tần suất bay và lưu lượng hành khách.

- Nhóm 1: là nhóm có sân bay có tần suất bay, dung lượng thị trường cao nhất. Nhóm này có 2 sân bay là sân bay Đà Nẵng và Cam Ranh.
- Nhóm 2: là nhóm có sân bay có tần suất bay, dung lượng thị trường trung bình. Nhóm này chỉ có 1 sân bay là sân bay Phú Bài.

Ngành nghề và địa bàn hoạt động

CHI NHÁNH ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Phạm vi hoạt động của công ty là cả khu vực miền Trung, hiện nay Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

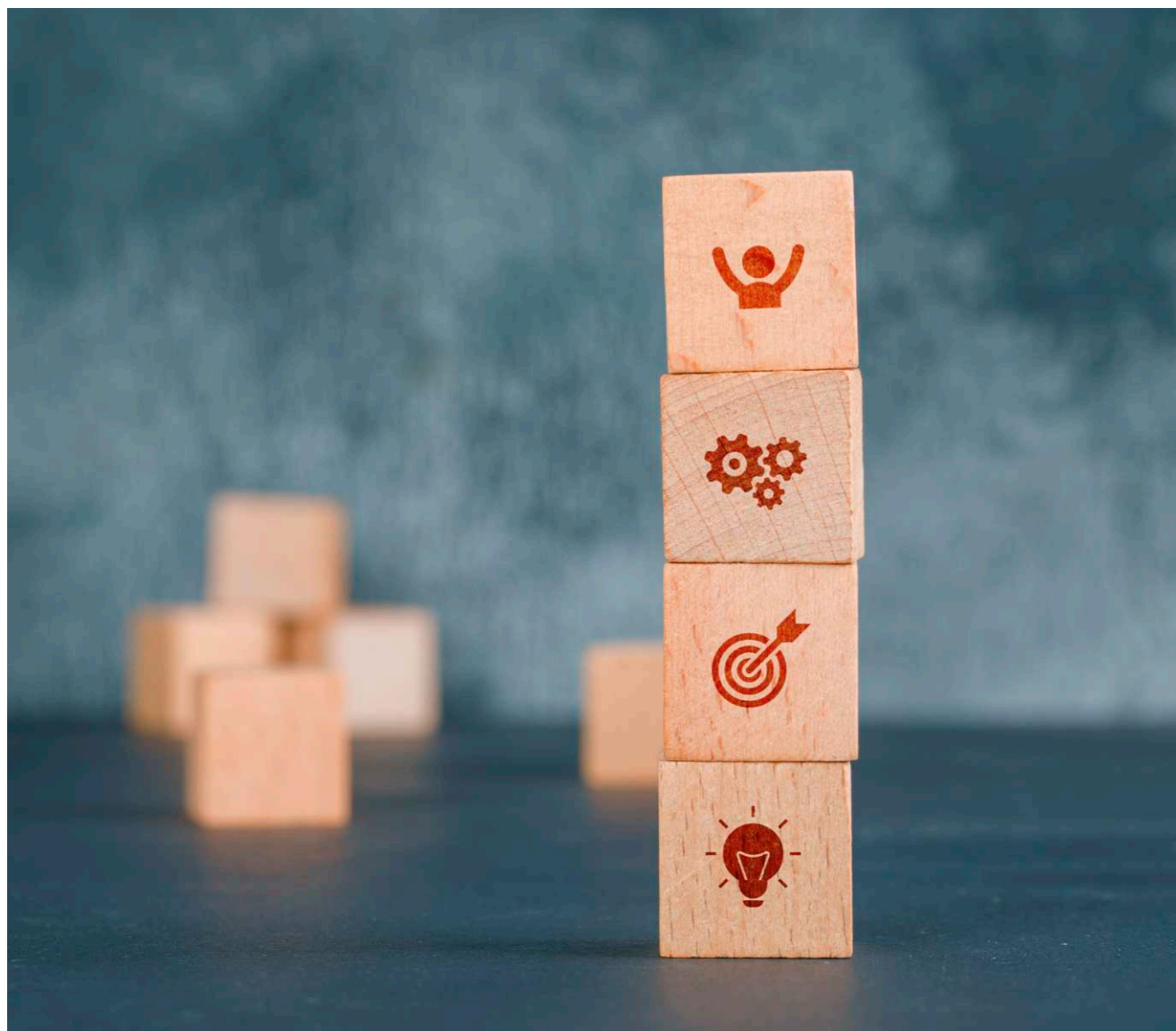
STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp sản xuất và cung ứng suất ăn máy bay	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
2	Xí nghiệp thương mại và Dịch vụ	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
3	Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Đà Nẵng	113 Núi Thành, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
4	Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Thừa Thiên Huế	73 Phan Đình Phùng, Phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế
5	Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng-Chi nhánh Phú Bài	Tổ 18, phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
6	Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng-Chi nhánh Nha Trang	Sân bay Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, TP Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam



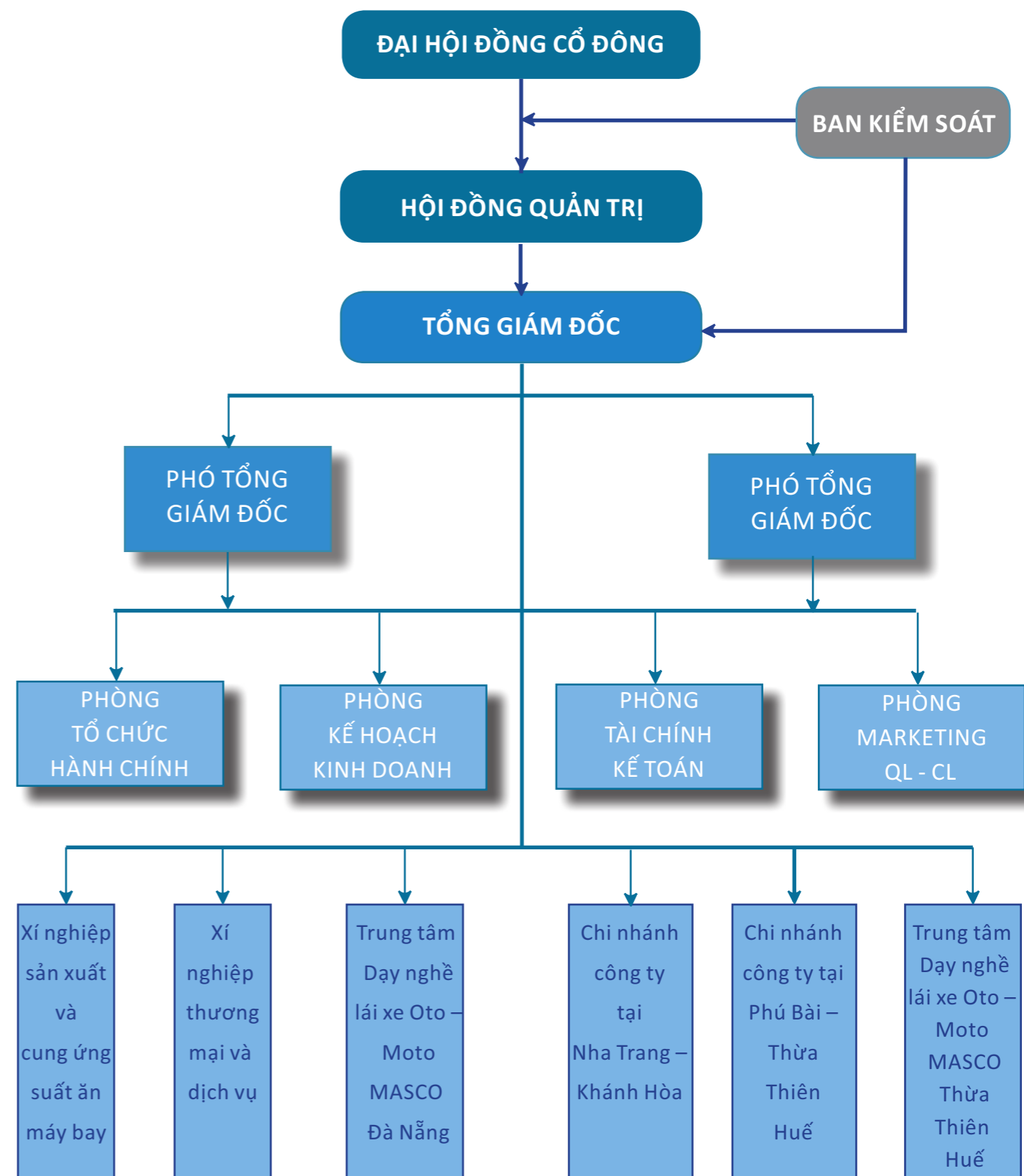
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan.
- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.



CƠ CẤU TỔ CHỨC



Ghi chú: Cơ cấu tổ chức của Công ty trong Báo cáo này không trình bày: XN vận chuyển hành khách, Xí nghiệp dịch vụ do 2 đơn vị này hiện đang tạm ngưng hoạt động.

Định hướng phát triển

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Phát triển vững mạnh và hài hòa theo định hướng đến năm 2025 trở thành Công ty đủ lớn và thật sự mạnh trong ngành kinh doanh dịch vụ hàng không, đầu tư mới cơ sở hạ tầng tại Đà Nẵng, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ và công suất sản xuất suất ăn máy bay để đáp ứng cho tất cả các Hãng hàng không quốc tế đi và đến tại sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Dự kiến quy mô của MASCO có từ 01 đến 03 Công ty thành viên, với cơ cấu vốn góp chủ yếu là những nhà đầu tư chiến lược có mối quan hệ mật thiết, quy mô nhân lực từ 700 đến 1.000 người, diện tích kinh doanh 20.000m².



Về thị phần

- Dự kiến Công ty sẽ mở rộng các thị trường hiện có tại Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế.
- Về Sân bay Đà Nẵng, MASCO sẽ có thị phần ổn định từ 40 – 50% dung lượng thị trường kinh doanh dịch vụ hàng không.



Về chức năng hoạt động

- MASCO sẽ tham gia đầy đủ các chức năng thương mại dịch vụ hàng không, với tiêu chuẩn hiện đại, tại các sân bay khu vực miền Trung.



Về chính sách chất lượng

- Thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, áp dụng hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm ISO 22000-2005.
- Luôn hướng mọi nguồn lực tập trung cho việc thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng, của xã hội cho hiện tại và tương lai.
- Thường xuyên hoàn thiện và đổi mới để chất lượng và dịch vụ không ngừng nâng cao.
- Sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, vì mục đích cuối cùng là phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.



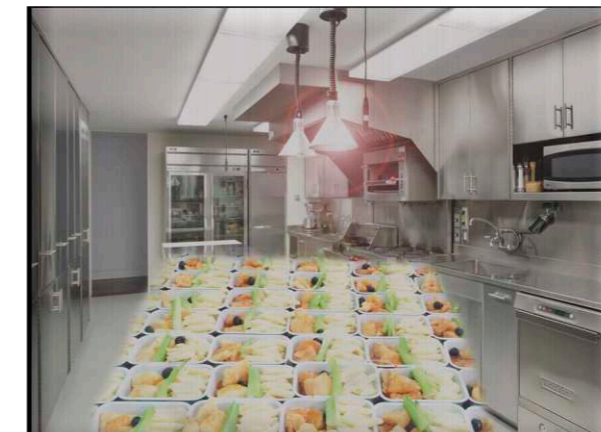
Về tài chính

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định trong xu thế vận động và phát triển.
- Tăng cường vốn cho đầu tư, đảm bảo an toàn và hoạt động hiệu quả.



Về nhân lực

- Hơn 30 năm phát triển và trưởng thành, MASCO tự hào đã xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, kết hợp hài hòa giữa truyền thống tốt đẹp của doanh nghiệp đã được xây dựng và vun đắp qua các thời kỳ và quy trình quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Luôn xem nhân lực là tài sản vô giá, là yếu tố then chốt đã mang lại thành công vượt bậc cho Công ty trong những năm gần đây.
- MASCO luôn cam kết và đảm bảo cung cấp các điều kiện cần thiết, thưởng xứng đáng để nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình



Định hướng phát triển (Tiếp theo)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ▶ Kiên trì với năng lực cốt lõi trong kinh doanh dịch vụ thương mại hàng không, cung ứng suất ăn trên tàu bay, đào tạo lái xe ô tô, mô tô ...
- ▶ Tăng cường đầu tư và mở rộng ngành nghề kinh doanh tại Chi nhánh Cam Ranh và Chi nhánh Phú Bài nhằm tương xứng với sự phát triển tại địa phương và nhu cầu của khách hàng.
- ▶ Tích cực chuẩn bị và phát triển dự án mới, mở rộng liên doanh, liên kết, tạo điều kiện phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, ưu tiên trong ngành và các ngành nghề tận dụng được năng lực cốt lõi của Công ty: Dịch vụ cung ứng suất ăn trên tàu bay; dịch vụ thương mại, đào tạo lái xe tại các địa phương khác thuộc khu vực miền Trung.
- ▶ Củng cố, tăng cường chất lượng bộ máy nhân sự, nâng cao tính chuyên nghiệp kết hợp với việc phát triển văn hóa Doanh nghiệp



Các yếu tố rủi ro

RỦI RO KINH TẾ

Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế - tài chính thế giới trong năm 2021 do vẫn còn tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến thương mại toàn cầu, các quốc gia trên thế giới vẫn phải đối mặt với diễn biến phức tạp của dịch nên tăng trưởng chậm. Tình trạng tắt nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu do nhu cầu hàng hóa tăng vọt trong khi hoạt động sản xuất và vận tải hàng hóa bị đình trệ vì dịch đã không đáp ứng kịp với nhu cầu khiến chuỗi cung ứng hàng hóa bị tắt lại ở nhiều điểm. Và hệ quả của tắt nghẽn chuỗi cung ứng là giá cước vận tải tăng, kéo theo giá cả hàng hóa tăng, giá cả lương thực-thực phẩm và nhiên liệu tăng chóng mặt. Du lịch, Hàng không tiếp tục là ngành âm đạm trong toàn cảnh nền kinh tế thế giới, sự lây lan không ngừng của virus Sar-CoV2 và các biến chủng của nó khiến việc đi lại giữa các quốc gia tiếp tục bị hạn chế.

Các chính sách phòng chống dịch được áp dụng ở từng quốc gia khác nhau đã tác động gây cản trở đối với các hoạt động đi lại của con người, ngành du lịch-dịch vụ, Hàng không vì vậy vẫn tiếp tục đối mặt với thua lỗ chồng chất.

Theo Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế (IATA), Covid-19 đã khiến cho các hãng Hàng không trên toàn cầu thua lỗ tổng cộng trên 52 tỷ USD năm 2021.

Dưới ảnh hưởng của các biện pháp phòng chống dịch, các lệnh cấm bay và cấm nhập cảnh của chính phủ Việt Nam và nhiều quốc gia khác, đặc biệt thị trường Trung Quốc là thị trường lớn của du lịch, hàng không Việt Nam, nhưng việc Chính phủ Trung Quốc theo đuổi chính sách “Zero Covid” nên ngành du lịch Việt Nam, đặc biệt khách nước ngoài sụt giảm nghiêm trọng. Và từ đó kéo theo sự ảnh hưởng tiêu cực đến ngành Hàng không Việt Nam trong năm 2021. Dịch bệnh vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp đã khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Công ty luôn phải chủ động cập nhật tình hình dịch bệnh thế giới cũng như trong nước để có những phương án dự phòng và chủ động trong việc duy trì và ổn định hoạt động SXKD, sẵn sàng chuẩn bị các nguồn lực để có thể đáp ứng ngay với tình hình mới, đồng thời nắm bắt các cơ hội để có thể đạt được các mục tiêu đề ra.

Tỷ giá

Nhìn chung, đa phần các hoạt động của Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng đều thanh toán bằng đồng Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu tác động trực tiếp của rủi ro tỷ giá.

Tuy nhiên, tỷ trọng nguồn thu của Công ty năm 2021 có liên quan đến tỷ giá thấp (0,92%) so với tổng nguồn thu trong năm của Công ty, đồng thời do sự điều hành linh hoạt về chính sách tiền tệ, tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước trong năm nên tỷ giá không biến động lớn, vì vậy rủi ro tỷ giá ảnh hưởng không đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021. iến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.



RỦI RO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Các nhóm sự kiện chính liên quan đến rủi ro quản trị là:

Gian lận nội bộ, gian lận bên ngoài: tổn thất do các sự kiện gian lận, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, giả mạo hồ sơ chứng từ, biển thủ tham ô tài sản ngân hàng, phá hoại tài sản công ty, trộm cắp tổng tiền... do nhân viên công ty gây ra hoặc tiếp tay cho tội phạm bên ngoài.

Chính sách lao động và môi trường làm việc: do ảnh hưởng của dịch, việc sử dụng lao động của Công ty phải thích ứng linh hoạt với từng thời điểm, căn cứ lịch bay của các Hãng hàng không, nhu cầu du lịch của người dân... rủi ro trong việc giữ chân người lao động có trình độ tay nghề cao, thâm niên lâu năm, có nhiều kinh nghiệm và có đầy đủ các loại chứng chỉ hành nghề là cao do chính sách thắt chặt chi tiêu, khó khăn về nguồn lực khiến thu nhập của NLĐ giảm sâu, khó giữ chân các lao động này nếu mức thu nhập không được cải thiện do hoạt động SXKD vẫn còn thua lỗ.

Khách hàng, sản phẩm dịch vụ và thực tiễn môi trường kinh doanh: khả năng tổn thất phát sinh từ các lỗi, sai sót không cố ý hoặc do sơ suất trong việc đáp ứng các trách nhiệm nghề nghiệp đối với khách hàng, hoặc không tuân thủ đúng các thực tiễn, các tiêu chuẩn thực hành của môi trường kinh doanh. Đây là một mục tiêu chính của quản trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định, công cụ, dụng cụ bị mất mát hoặc bị phá hoại do thiên tai hoặc các sự kiện bên ngoài khác như khủng bố, chiến tranh, cháy nổ. Gian đoạn hoạt động hoặc lỗi hệ thống công nghệ thông tin.

Cơ cấu cổ đông chưa hiệu quả, tỷ lệ sở hữu quá phân tán, hoặc có nhiều nhóm cổ đông lớn nhưng không đồng thuận. Mặc dù doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho khâu tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để tạo dựng hình ảnh, mời các chuyên gia phân tích, các nhà đầu tư có tổ chức đến dự, phóng viên đến đưa tin..., nhưng khi biểu quyết các vấn đề tại đại hội thì không thông qua được do không dung hòa được những mâu thuẫn lợi ích khi xây dựng kế hoạch tăng vốn, kế hoạch triển khai dự án, kế hoạch chi trả cổ tức

Hoạt động quan hệ cổ đông: Hoạt động quan hệ cổ đông tốt không chỉ nằm ở việc tạo dựng các kênh thông tin cho cổ đông, mà còn ở việc bản thân doanh nghiệp ứng phó như thế nào trước các tình huống xấu để duy trì được lòng tin của cổ đông.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.



Các yếu tố rủi ro (Tiếp theo)

RỦI RO ĐẶC THÙ



Rủi ro cạnh tranh

Hiện tại trong sân bay Đà Nẵng, Cam Ranh có các đơn vị kinh doanh thương mại dịch vụ Hàng không với đơn vị chủ quản là Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV), Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác nhà ga Quốc tế Đà Nẵng, và các đơn vị ngoài ngành hàng không tham gia vào hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh của Công ty như: cung ứng suất ăn, kinh doanh hàng bách hóa, lưu niệm, dịch vụ ăn uống giải khát, cho thuê xe trong khu vực nhà ga.

Hiện nay, tại nhà ga Quốc tế Đà Nẵng và Cam Ranh, ngoài Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – Chi nhánh Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng kinh doanh khai thác các loại hình dịch vụ trên thì có thêm các đơn vị khác tham gia vào ngành là đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ đối với Công ty trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài ra, tại sân bay Cam Ranh có Công ty cổ phần dịch vụ suất ăn hàng không Việt Nam (VINACS) với nhà xưởng và hệ thống trang thiết bị hiện, đã tác động trực tiếp đến lĩnh vực cung ứng suất ăn của Công ty tại sân bay Cam Ranh, là đối thủ cạnh tranh khốc liệt với Công ty trong việc tranh giành khách hàng vốn trước đây là của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

Là đơn vị hoạt động kinh doanh trong ngành Hàng không và có liên quan chặt chẽ đến ngành du lịch trong nước, quốc tế và mức độ quan tâm thích đáng của các địa phương nơi Công ty có cơ sở kinh doanh. Do vậy Công ty có những rủi ro về thị trường mang tính đặc thù của ngành như rủi ro về tình hình nền kinh tế, môi trường dịch bệnh, về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, rủi ro về thời tiết khí hậu.

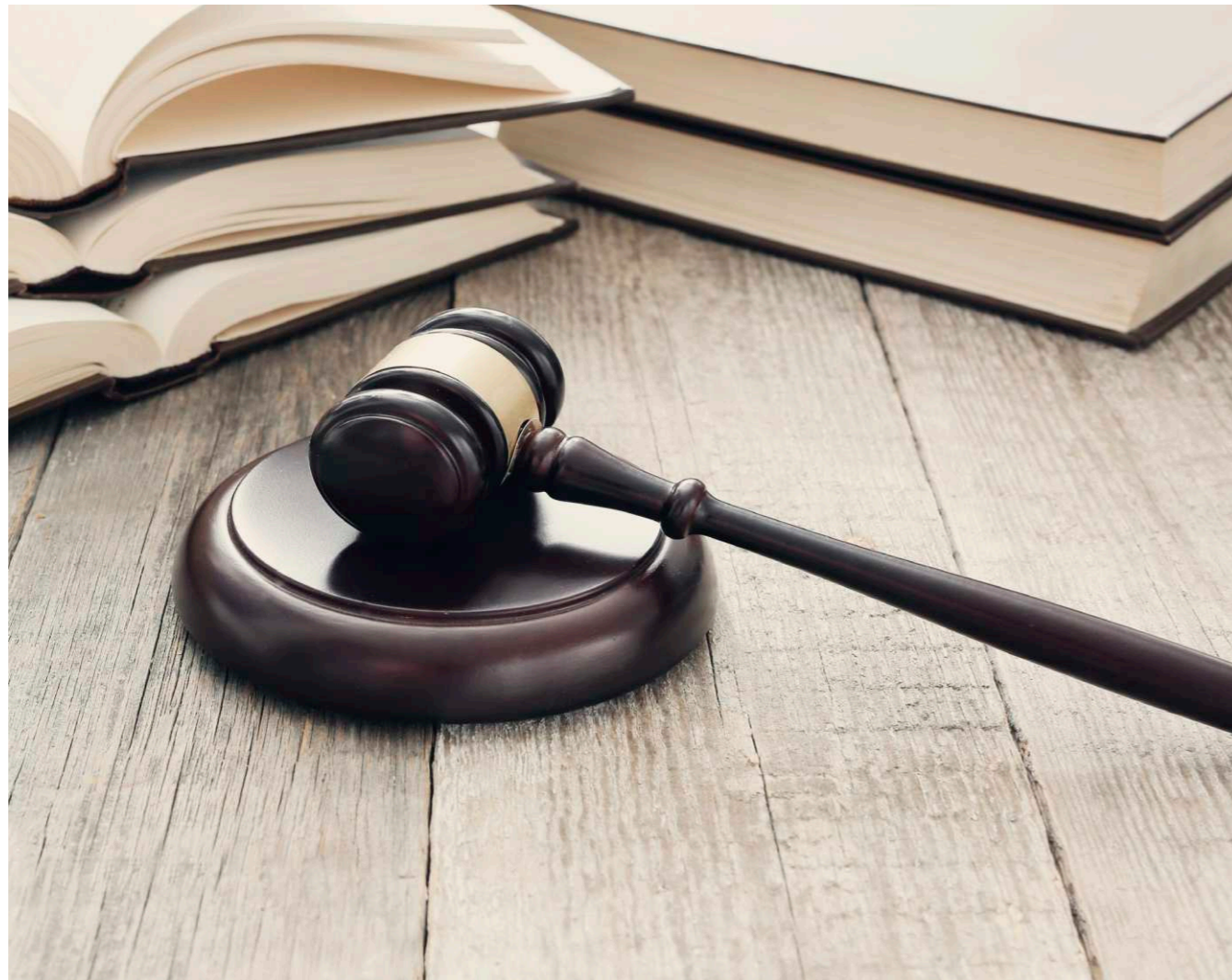
- Về tình trạng dịch bệnh: Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới gió mùa khí hậu nóng ẩm, môi trường ô nhiễm cao thường phát sinh các loại dịch bệnh, mặc dù Nhà nước đã có nhiều biện pháp phòng ngừa, nhưng khách du lịch nước ngoài cũng hạn chế vào Việt Nam khi nghe thông tin về dịch bệnh tại Việt Nam.
- Về rủi ro về an toàn thực phẩm: Hàng hoá của Công ty để sản xuất chế biến phục vụ khách hàng chủ yếu là hàng tươi sống, đối tượng cung cấp đa dạng, mang tính thời vụ...nên việc bảo đảm chất lượng của hàng hoá phải tuân thủ rất nghiêm ngặt các quy trình an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch của nhà nước..., đây là rủi ro tiềm tàng có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các yếu tố rủi ro (Tiếp theo)

RỦI RO PHÁP LUẬT

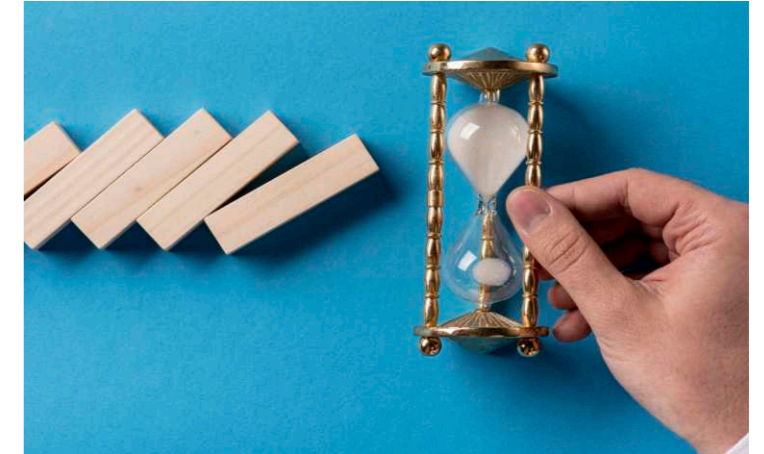
Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước đã cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các nghị định, thông tư liên quan đến thị trường chứng khoán.

Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của MASCO đa dạng lĩnh vực liên quan đến sân bay, do đó Công ty chịu ảnh hưởng từ những văn bản luật từ Bộ Giao thông vận tải, sự giám sát chặt chẽ về vệ sinh an toàn thực phẩm, các văn bản liên quan đến lĩnh vực đạo tào lái xe ô tô, mô tô. Ban lãnh đạo Công ty luôn cập nhật kịp thời các văn bản luật, đảm bảo tuân thủ pháp luật tránh những ảnh hưởng từ rủi ro gây nên đồng thời đưa ra những phương án giải quyết phù hợp.



RỦI RO KHÁC

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản và công trình xây dựng của Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

33. Tình hình thực hiện

33. Tình hình tài chính

38. Cơ cấu cổ đông

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết thúc năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh của MASCO như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	%TH2021/ KH 2021	%TH2021/ TH2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.294	79.832	47.056	-41,06%	-51,64
Doanh thu hoạt động tài chính	41		49	49	19,51%
Thu nhập khác	4.923	9.750	6.761	-30,66%	37,33%
Lợi nhuận trước thuế	-11.089	-12.502	-14.838	18,69%	133,81%
Lợi nhuận sau thuế	-11.089	-12.502	-14.838	18,69%	33,81%
LNTT/Tổng DT bán hàng & CC dịch vụ	-11,40%	-15,66%	-31,53%	101,35%	176,66%

Trong năm 2021, tình hình đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của Công ty trong toàn bộ các lĩnh vực kinh doanh. Lĩnh vực kinh doanh chính là cung ứng suất ăn cho các hãng Hàng không chịu tác động nặng nề nhất, doanh thu trong lĩnh vực này giảm: 68,24% so với năm 2020 và giảm 60,59% so với Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao.

Các lĩnh vực kinh doanh khác như Thương mại, Taxi, đào tạo nghề cũng chịu chung khó khăn, các chuyến bay nội địa tần suất thấp ít, lượng khách ít, ... đã làm cho Doanh thu các lĩnh vực này suy giảm sâu, lĩnh vực Thương mại DT giảm so với năm 2020: 66,29% và so với KH2021 giảm: 67,97%, lĩnh vực đào tạo do các quy định phòng chống dịch buộc phải đóng cửa hơn 6 tháng nên DT năm 2021 giảm so với 2020: 19,57% và giảm: 15,85% so với KH2021, lĩnh vực Taxi suy giảm DT rất sâu, thua lỗ lớn nên Công ty buộc phải dừng hoạt động và thanh lý tài sản của lĩnh vực này kể từ tháng 5/2021.

Đối mặt với những khó khăn chông chốt, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nhiều chính sách quản trị nhằm kiểm soát tốt chi phí, ngừng đầu tư, tìm kiếm các nguồn cung cấp NVL đầu vào có giá thấp nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, bố trí sắp xếp lao động khoa học, phù hợp nhằm giảm chi phí nhân công..., hạn chế tới mức thấp nhất những tổn hại đến hoạt động SXKD của Công ty.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	%Thực hiện/ Kế hoạch
Tổng tài sản		34.963	34.842	99,65%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	79.831	45.086	56,48%
Doanh thu thuần		-12.502	-14.837	118,68%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		4.210	753	17,89%

Đánh giá về tổng quan, các chỉ tiêu kế hoạch được đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện bám sát, do diễn biến phức tạp của dịch, với mức Doanh thu suy giảm sâu so với KH được giao: 43,52%, mức lỗ trong năm đã được hạn chế tối đa và thấp hơn rất nhiều so với tốc độ suy giảm của Doanh thu.

Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH CHUNG

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	% Tăng/ giảm
Tổng tài sản		95.578	75.762	26,16%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.680	-7.832	-121,45%
Doanh thu thuần		97.294	45.086	115,80%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		-15.352	-19.705	-22,09%
Lợi nhuận khác		4.263	4.867	-12,41%
Lợi nhuận trước thuế		-11.089	-14.837	-25,26%
Lợi nhuận sau thuế		-11.089	-14.837	-25,26%

Tình hình tài chính (Tiếp theo)

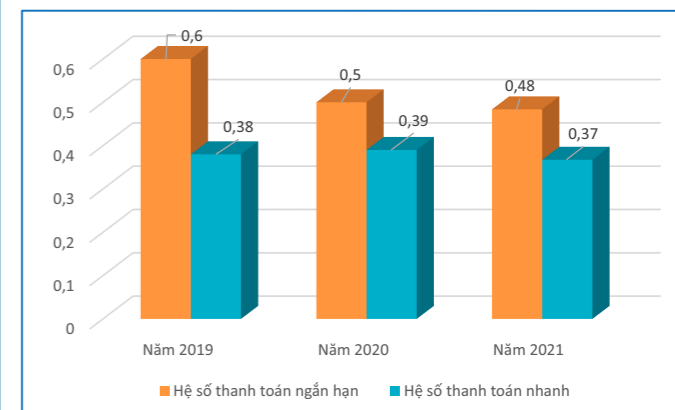
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	34.963	0,50	0,48
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	79.831	0,39	0,37
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	55,70	56,02	63,50
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	125,70	127,38	173,99
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	23,35	15,04	11,45
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,67	0,88	0,53
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-11,40	-11,40	-0,33
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-26,38	-26,38	-53,66
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-11,60	-11,60	-19,58
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-15,78	-15,78	-43,70



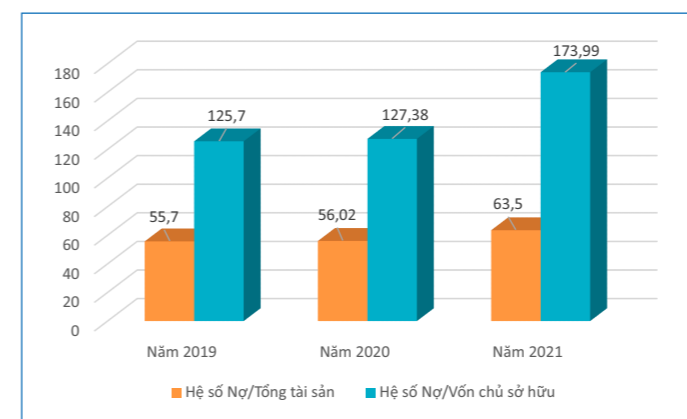
Khả năng thanh toán

Các hệ số khả năng thanh toán của Công ty có biến động giảm nhẹ so với năm trước mặc dù hoạt động kinh doanh trong năm 2021 tiếp tục thua lỗ, tuy nhiên các chỉ tiêu về khả năng thanh toán không suy giảm nhiều. Cụ thể hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm từ 0,5 xuống 0,48, tương tự hệ số khả năng thanh toán nhanh cũng giảm nhẹ từ 0,39 xuống 0,37 lần. Nguyên nhân do Công ty thanh lý 50 xe Taxi hoạt động kém hiệu quả nên TS ngắn hạn, cụ thể là tiền tăng so với đầu kỳ, dòng tiền tăng, đồng thời các khoản nợ ngắn hạn của Công ty được cân đối cho phù hợp với tình hình tài chính trong từng giai đoạn, cải thiện khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2021 mặc dù năm này tình hình dịch còn diễn biến phức tạp hơn, ảnh hưởng lớn hơn rất nhiều so với năm 2020.



Cơ cấu vốn

Hệ số chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều tăng qua các năm, đặc biệt năm 2021 hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 56,02% lên 63,5%, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 127,38% lên 173,99% vào cuối năm 2021. Do các khoản vay dài hạn không cơ cấu gia hạn thời hạn trả như năm 2020 nên đến cuối năm 2021 các khoản vay dài hạn đến hạn trả phải chuyển qua các khoản nợ ngắn hạn. Mặc dù hoạt động SXKD thua lỗ trong hai năm liên tiếp, vốn chủ sở hữu giảm nhưng Công ty luôn duy trì cơ cấu phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh đem lại lợi ích cho các cổ đông của MASCO.

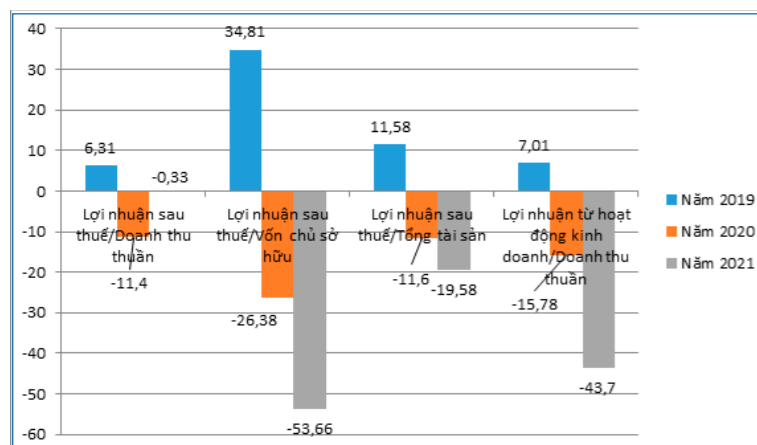
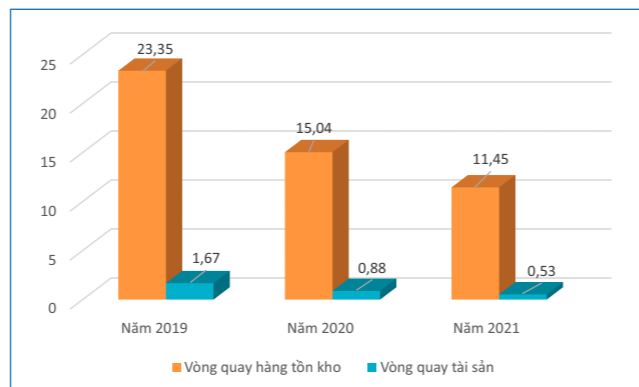


Tình hình tài chính (Tiếp theo)



Năng lực hoạt động

Các hệ số khả năng thanh toán của Công ty có biến động giảm nhẹ so với năm trước mặc dầu hoạt động kinh doanh trong năm 2021 tiếp tục thua lỗ, tuy nhiên các chỉ tiêu về khả năng thanh toán không suy giảm nhiều. Cụ thể hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm từ 0,5 xuống 0,48, tương tự hệ số khả năng thanh toán nhanh cũng giảm nhẹ từ 0,39 xuống 0,37 lần. Nguyên nhân do Công ty thanh lý 50 xe Taxi hoạt động kém hiệu quả nên TS ngắn hạn, cụ thể là tiền tăng so với đầu kỳ, dòng tiền tăng, đồng thời các khoản nợ ngắn hạn của Công ty được cân đối cho phù hợp với tình hình tài chính trong từng giai đoạn, cải thiện khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2021 mặc dầu năm này tình hình dịch còn diễn biến phức tạp hơn, ảnh hưởng lớn hơn rất nhiều so với năm 2020.



Khả năng sinh lời

Hệ số khả năng sinh lời trong hai năm liên tiếp 2020 và 2021 đều âm, nguyên nhân đều do tác động quá lớn từ đại dịch Covid-19 làm cho tất cả các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều bị tổn hại, khoản lỗ năm 2021 cao hơn khoản lỗ năm 2020 do dịch vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp và ảnh hưởng sâu rộng cả năm đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặc dầu Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều chính sách quản trị, thắt chặt chi tiêu, hạn chế tối đa đầu tư, linh hoạt trong việc điều động và sử dụng lao động làm sao cho hiệu quả, tiết kiệm được chi phí... tuy nhiên do Doanh thu suy giảm quá sâu nên hoạt động kinh doanh năm 2021 tiếp tục thua lỗ.

Cơ cấu cổ đông

Hiện nay, Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO) đã phát hành 4.267.683 cổ phiếu, trong đó:

- Số cổ phiếu phổ thông: 4.267.673 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 4.267.673 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1	Cổ đông nhà nước	438	3,734,271	3,734,271
	Cá nhân	423	1.247.310	1.247.310
	Tổ chức	15	2.486.961	2.486.961
2	Cổ đông nước ngoài	83	533.412	533.412
	Tổ chức	71	299.073	299.073
	Cá nhân	12	234.339	234.339
TỔNG CỘNG		521	4.267.683	4.267.683

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	0100107518	1.541.265	36,11%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 40. Danh sách hội đồng quản trị
- 43. Danh sách Ban kiểm soát
- 45. Danh sách Ban điều hành và kế toán trưởng
- 48. Những thay đổi nhân sự
- 48. Nhân sự và chính sách lao động

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	
2	Ông Nguyễn Thanh Đông	Ủy viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	
3	Ông Trần Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	
4	Bà Lê Thị Thùy Linh	Ủy viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	
5	Bà Vũ Thị Thu Bồn	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Miễn nhiệm ngày 25/06/2021
6	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/06/2021	

Ông Đào Mạnh Kiên Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác

- 08/1994-01/1996: Chuyên viên Ban KHTT – TCT HKVN
- 02/1996-06/1998: Chuyên viên VP KVMB – TCT HKVN
- 07/1998-08/1999: Phó phòng Thương mại hàng hóa, VP KVMB – TCT HKVN
- 09/1999-06/2001: Phó phòng Tiếp thị hàng hóa, Ban KHTT hàng hóa.
- 07/2001-04/2009: Trưởng phòng Tiếp thị hàng hóa, Ban KHTT hàng hóa.
- 05/2009-12/2012: Trưởng chi nhánh Hàn Quốc – TCT HKVN
- 01/2013-05/2013: Phó TGD CTCP hàng hóa Nội Bài – TCT HKVN
- 06/2013-04/2016: Ủy viên HĐQT kiêm TGD Công ty NCTS.
- 05/2016-07/2018: Trưởng Ban DVTT kiêm chủ tịch HĐQT NCTS
- 08/2018-07/2021: Giám đốc Chi nhánh Vietnam Airlines tại miền Trung + Từ 08/2021 – nay: Chủ tịch Công đoàn TCT hàng không Việt Nam

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thanh Đông Ủy viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác

- 07/1987: Xí nghiệp hóa chất Kim Liên, Công ty hóa chất Đà Nẵng.
- 01/1993-06/1993: Cán bộ XN thương nghiệp, sân bay Đà Nẵng
- 07/1993-11/1993: Trợ lý kế hoạch XN thương nghiệp, sân bay Đà Nẵng.
- 12/1993-10/1994: Đội trưởng đội SX suất ăn máy bay, Cty dịch vụ CCHK sân bay Miền Trung.
- 11/1994-10/1998: Phó, Quyền giám đốc XNSA & cung ứng suất ăn Masco
- 11/1998/03/2006: Giám đốc cty dịch vụ HK sân bay Đà Nẵng
- 04/2006-2011: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng
- 2011-2016: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng.
- 2016 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng.

Ông Trần Thanh Hải Ủy viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn Cử nhân Tài chính – Kế toán, Ngoại thương
Quá trình công tác

- 11/1991 - 10/1993 : Kế toán TH - Cty Dịch vụ & Vật Tư Lâm nghiệp ĐN.
- 11/1993 - 10/1999 : Kế toán TH - Cty Dịch vụ Hàng không Sân bay ĐN.
- 11/1999 - 3/2006 : Kế toán trưởng-Cty Dịch vụ Hàng không SB Đà Nẵng.
- 04/2006 - 2011 : Kế toán trưởng Cty Cổ phần DV HK sân bay Đà Nẵng.
- 2011 – 2017: Phó tổng giám đốc CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng
- 2017 – nay: Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng.

Danh sách Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Bà Lê Thị Thùy Linh Ủy viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác

- 04/2002-09/2008: Kế toán XN SX & CUSA trực thuộc CTCP DVHK sân bay Đà Nẵng
- 10/2008 đến nay: Kế toán TTDN Đà Nẵng trực thuộc CTCP DVHK sân bay Đà Nẵng
- 22/04/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty Masco

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh Ủy viên Hội đồng quản trị

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác

- 2005-2008: Nhân viên tại CTCP Chứng khoán ngân hàng Nhà Hà Nội.
- 2008-2011: Nhân viên tại CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- 08/2011-2015: Nhân viên tại Công ty quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- + 2015 đến nay: Phó phòng quản lý tài sản - Công ty quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Từ 25/6/2021-nay: Ủy viên HĐQT Công ty Masco.

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Cử nhân kinh tế
2	Ông Nguyễn Dũng	Ủy viên Ban kiểm soát	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Cử nhân kinh tế
3	Ông Lê Giang Nam	Ủy viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Thạc sĩ Luật
4	Bà Dương Thùy Vân	Ủy viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm tháng 4/2016. Miễn nhiệm ngày 25/06/2021	

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông Đinh Hồng Sơn Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác

- 04/2019-05/2019: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng.
- 05/2019 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng

Danh sách Ban kiểm soát (tiếp theo)

Ông Nguyễn Dũng Ủy viên Ban kiểm soát

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 1993 – 3/2001 : Kế toán Công ty TNHH Sài Gòn - Công ty XNK Đà Nẵng
- 4/2001 – 6/2002: Phụ trách Kế toán Chi nhánh Phú bài - Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 7/2002 – 6/2018 : Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 7/2018 – Nay: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 3/2021- Nay: Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.

Ông Lê Giang Nam Ủy viên Ban kiểm soát

Trình độ học vấn Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác

- Từ 1999 – 2003: Chuyên viên Phòng Tổ chức Hành chính
- Từ 2003 – 2011: Phó Phòng Tổ chức Hành chính
- Từ 2011- Nay: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính – Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Danh sách Ban điều hành và kế toán trưởng

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Cử nhân kinh tế
2	Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021	Cử nhân kinh tế
3	Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021	Thạc sĩ QTKD
4	Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021	Cử nhân kinh tế

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Nguyễn Thanh Đông Tổng Giám đốc

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 07/1993 – 10/1994: Cán bộ Công ty Cụm cảng HK Sân bay Miền Trung
- 11/1994 – 10/1998: Giám đốc Xí nghiệp Cung ứng Suất ăn – Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 11/1998 – 03/2006: Bí thư Đảng ủy; Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 04/2006 – 2015: Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 04/2016 – Nay: Tổng Giám đốc; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.
-

Danh sách Ban điều hành và kế toán trưởng (tiếp theo)

Ông Phạm Văn Hà Phó Tổng Giám đốc

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác

- 01/1993 – 11/2004: Đảng viên; Bí thư Chi bộ; Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Thương nghiệp – Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.
- 12/2004 – 03/2006: Phó Bí thư Đảng ủy; Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.
- 04/2006 – Nay: Đảng ủy viên; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.

Ông Trần Thanh Hải Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Trình độ học vấn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác

- 11/1991 – 10/1993: Kế toán TH – Công ty Dịch vụ và Vật tư Lâm nghiệp Đà Nẵng
- 11/1993 – 10/1999: Kế toán TH – Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 11/1999 – 3/2006: Đảng viên, Bí thư Chi bộ; Đảng Ủy viên; Kế toán trưởng – Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 04/2006 – 2011: Đảng Ủy viên; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 06/2011 – Nay: Phó Tổng Giám đốc, ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Bà Nguyễn Thị Minh Huyền Kế toán trưởng

Trình độ học vấn Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng
Cử nhân kinh tế chuyên ngành Ngoại thương
Quá trình công tác

- 10/1994 – 10/1999: Kế toán Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 11/1999 – 5/2018: Phó phòng Tài chính – Kế toán, kế toán tổng hợp Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 5/2018 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng



Những thay đổi nhân sự

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2021 đã tiến hành bầu lại HĐQT và Ban kiểm soát, theo đó có các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát thay đổi trong nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

- Thay đổi ủy viên HĐQT:
 - + Miễn nhiệm bà Vũ Thị Thu Bồn
 - + Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Thùy Linh.
- Thay đổi ủy viên Ban kiểm soát:
 - + Miễn nhiệm bà Dương Thị Thùy Vân
 - + Bổ nhiệm ông Lê Giang Nam.

Nhân sự và chính sách lao động

Tính đến ngày 31/12/2021 tổng số lao động của Công ty là 250 người, trong đó có 171 nam và 79 nữ. Cơ cấu lao động của Công ty thể hiện như sau:

STT	Phân loại lao động	Tại ngày 31/12/2021	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	250	250
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	92	92
2	Trình độ Cao đẳng	41	41
3	Trình độ Trung cấp	61	61
4	Lao động khác	56	56
II	Theo Tính chất của hợp đồng lao động	250	250
1	Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm		
2	Hợp đồng có thời hạn từ 1 – 3 năm	39	39
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	211	211

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đối với người lao động của Công ty được áp dụng theo chuẩn mực của Bộ luật lao động. Các nội dung được thể hiện trong thỏa ước lao động của Công ty đã thể hiện chính sách ưu đãi cho người lao động, trong đó các chế độ như: chế độ lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, bảo hộ lao động,... được quan tâm thực hiện tốt.



Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, nghỉ trưa 2h. Khi có yêu cầu công việc, người lao động có thể đăng ký làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày hoặc 200h/năm phù hợp với Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty, Công ty tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp



Nghỉ phép, lễ, tết

Nhân viên được nghỉ lễ và tết 9 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ mỗi năm.



Điều kiện làm việc

Văn phòng công ty thoáng mát, Công ty cấp đồng phục cho cán bộ công nhân viên (CBCNV), đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.



Đảm bảo việc làm cho người lao động

Để đảm bảo việc làm cho 641 lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tìm cách đa dạng hóa ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh.

Nhân sự và chính sách lao động (tiếp theo)



Chế độ thưởng

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương, và điều kiện kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

Đối với các đơn vị nằm trong dây chuyền Hàng không (dịch vụ cấp suất ăn lên máy bay và các dịch vụ khác liên quan)

- Tiền lương được hưởng bằng 100% kế hoạch.
- Người lao động làm việc trọn thời gian và không trọn thời gian:

$Tiền\ lương = (100\% \text{ lương chức danh} + \text{Tiền lương năng suất}) / 22 \text{ ngày} \times \text{ngày công làm việc thực tế} \times 100\% \text{ kế hoạch tiền lương năm.}$



Đối với các đơn vị trong lĩnh vực phi Hàng không (dịch vụ kinh doanh thương mại tại nhà ga sân bay, dịch vụ taxi và các dịch vụ khác liên quan)

- Tiền lương được hưởng bằng 85% kế hoạch
- Người lao động làm việc trọn thời gian và không trọn thời gian:

$Tiền\ lương = (100\% \text{ lương chức danh} + \text{Tiền lương năng suất}) / 22 \text{ ngày} \times \text{ngày công làm việc thực tế} \times 85\% \text{ kế hoạch tiền lương năm.}$

Đối với các đơn vị trong lĩnh vực hợp tác kinh doanh:

- Phân bổ theo tỷ lệ 50-50. Mức chi theo kết quả của đơn vị

Tiền lương tháng của Người lao động nhận được phụ thuộc vào giờ dạy và hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.



Chế độ thưởng

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh, thưởng đặc biệt đối với những nhân viên giỏi và có nhiều sáng kiến cải tiến công việc trong Công ty.



Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV.



Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên

Công đoàn và đoàn thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Thường xuyên tổ chức đi tham quan, sinh hoạt, học tập,... nhân các ngày lễ lớn trong năm, khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt. Đoàn thanh niên là tổ chức đi đầu trong phong trào thi đua, là nơi phát triển của thanh niên tạo lực lượng quản lý kế thừa được đào tạo bài bản, vững chắc trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.



CHÍNH SÁCH TẠO NGUỒN NHÂN LỰC



Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học,... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.



Đào tạo:

Công ty luôn luôn coi trọng con người là tài sản quý giá của Doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn này, công ty kết hợp chặt chẽ giữa vấn đề đào tạo và phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty tài trợ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập, những nhân viên có thành tích học tập khá trở lên sẽ được khen thưởng.

Hoạt động đào tạo vừa giúp CBCNV đã được đào tạo áp dụng hiệu quả vào công việc thực tế đang đảm nhiệm, vừa giúp CBCNV có thể xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty. Hàng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo và dành đủ nguồn lực cho chính sách đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển đội ngũ kế thừa.

Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề có nhu cầu đào tạo phát triển đều có tiêu chuẩn đào tạo riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình đào tạo riêng của Công ty. CBCNV sau khi ký hợp đồng có thời hạn với Công ty, được tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, trung hạn theo kế hoạch đào tạo hàng năm hoặc đào tạo đột xuất theo nhu cầu cấp thiết của đơn vị. Công ty luôn tạo điều kiện tối đa cho CBCNV được đào tạo và tự đào tạo, tạo cơ hội thăng tiến bình đẳng cho CBCNV tại Công ty.



ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ GIẢI PHÁP VỀ NHÂN LỰC

Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch, các hoạt động SXKD của Công ty hầu như cầm chừng, lực lượng lao động trong toàn Công ty được bố trí ở mức chỉ từ 35-65% trên tổng số lao động của từng đơn vị, số còn lại được cho nghỉ xoay vòng, nghỉ không hưởng lương...

Số lao động đã được đánh giá và giữ lại là những lao động thường xuyên nằm trong dây chuyền sản xuất kinh doanh của đơn vị, là những lao động có chứng chỉ nghề, có trình độ chuyên môn, có tay nghề và một số lao động có thâm niên gắn bó lâu năm với Công ty. Số lao động này sẽ thực hiện tốt công việc ở thời điểm hiện tại và khi SXKD phục hồi từ 65% đến 85%.

Số lao động được đánh giá không nằm trong dây chuyền SXKD là những lao động đang nghỉ không hưởng lương dài hạn, mới vào Công ty, một số được đánh giá chưa hoàn thành nhiệm vụ hoặc không phù hợp với công việc hoặc có nguyện vọng nghỉ việc.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 58. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh
- 56. Tình hình tài chính
- 60. Cải tiến về cơ cấu về tổ chức, chính sách quản lý
- 61. Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 61. Giải trình của Ban điều hành với ý kiến của kiểm toán

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Với tác động quá lớn của đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 và tiếp tục ảnh hưởng trong suốt cả năm 2021, các hoạt động đi lại bị hạn chế, các quy định phòng chống dịch của Chính phủ và các địa phương nơi Công ty có cơ sở kinh doanh đã làm cho hoạt động SXKD của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các chuyến bay thương mại quốc tế chưa mở lại, các chuyến bay nội địa tần suất thấp, các tiêu chuẩn cung ứng dịch vụ cho các hãng Hàng không nội địa cũng bị cắt giảm hầu hết, lượng khách ít ỏi, thị trường du lịch hầu như đóng băng..., các hoạt động đào tạo cũng bị đóng cửa hơn 6 tháng, bên cạnh đó giá NVL đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu tăng nhưng đơn giá cung ứng suất ăn đầu ra không tăng... tất cả những yếu tố này đã tác động rất lớn đến toàn bộ các lĩnh vực kinh doanh Công ty.

Lĩnh vực Taxi bị thua lỗ lớn buộc phải dừng hoạt động từ tháng 5/2021 và tiến hành thanh lý toàn bộ tài sản của lĩnh vực này, hoạt động mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận chủ yếu của Công ty là cung ứng suất ăn cho các hãng Hàng không thì hoạt động cầm chừng, chủ yếu phục vụ cho công tác phòng chống dịch, lĩnh vực thương mại tại các nhà ga sân bay với lượng khách ít ỏi doanh thu không đủ bù đắp chi phí thuê mặt bằng, lĩnh vực đào tạo bị đóng cửa hơn 6 tháng nhưng các chi phí cố định vẫn không được giảm... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2021, Công ty bị thua lỗ.

DOANH THU



Lĩnh vực thương mại:

Tại sân bay Đà Nẵng và sân bay Phú Bài, Công ty có kinh doanh thương mại và dịch vụ ăn uống trong và ngoài khu cách ly nhà ga tại hai sân bay này, cụ thể:

- Doanh thu hàng bách hóa: 1,73 tỷ đồng, chỉ đạt 35,09% so với Kế hoạch 2021
- Doanh thu hàng chế biến: 0,30 tỷ đồng, chỉ đạt 19,84% so với Kế hoạch 2021.



Lĩnh vực dịch vụ Taxi

Doanh thu dịch vụ taxi năm 2021: 2,54 tỷ đồng, đạt 98,52% so với Kế hoạch 2021 (đã điều chỉnh) và lĩnh vực này đã dừng hoạt động từ ngày 12/05/2021.



Lĩnh vực liên quan đến vận tải Hàng không:

Doanh thu từ các Hợp đồng cung ứng dịch vụ cho Viet Nam Airlines:

- Doanh thu cung ứng suất ăn cho Vietnam Airlines năm 2021: 6,26 tỷ đồng, chỉ đạt 28,04% so với Kế hoạch 2021.
- Doanh thu vận chuyển suất ăn cho Vietnam Airlines năm 2021: 4,26 tỷ đồng, chỉ đạt: 46,66% so với Kế hoạch 2021.
- Doanh thu vận chuyển tổ lái, tiếp viên cho Vietnam Airlines: 0,06 tỷ đồng, chỉ đạt: 44,67% so với Kế hoạch 2021.

Doanh thu từ các Hợp đồng cung ứng dịch vụ cho các hãng hàng không khác và dịch vụ liên quan khác:

- Thực hiện năm 2021: 7,23 tỷ đồng, đạt: 71,14% so với Kế hoạch 2021.



Lĩnh vực đào tạo lái xe:

- Doanh thu thực hiện năm 2021 đào tạo lái xe ô tô, mô tô năm 2021: 24,66 tỷ đồng, đạt 84,15% so với Kế hoạch 2021 mặc dù Trung tâm đào tạo tại TP Đà Nẵng bị đóng cửa hơn 6 tháng do các quy định phòng chống dịch tại TP Đà Nẵng và Trung tâm tại TP Huế bị đóng cửa hơn 2 tháng.



Hoạt động khác

- Doanh thu thực hiện năm 2021 từ hoạt động khác năm 2021: 6,81 tỷ đồng chủ yếu là bán thanh lý 50 xe Taxi của Công ty với số tiền bán thanh lý tài sản là 9,273 tỷ đồng.

NGUYÊN NHÂN DOANH THU CỦA CÔNG TY GIẢM MẠNH

Hoạt động SXKD của Công ty chủ yếu trong các lĩnh vực liên quan đến ngành Hàng không, du lịch, dịch vụ như: cung ứng suất ăn máy bay cho các hãng Hàng không trong và ngoài nước, dịch vụ Taxi, bán hàng thương mại tại các sân bay miền Trung, đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô... các lĩnh vực này là những lĩnh vực chịu tác động rất lớn của đại dịch Covid-19.

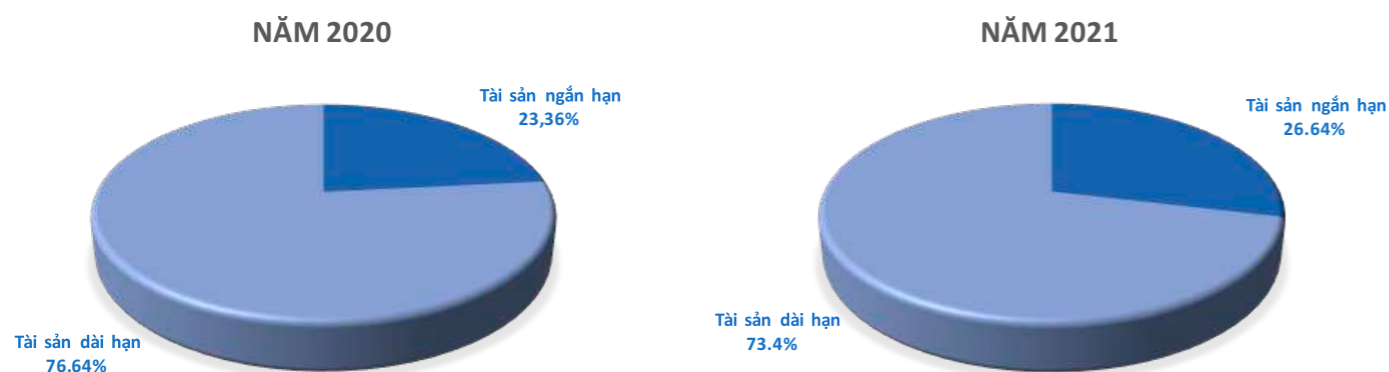
Do ảnh hưởng nặng nề của dịch và các chính sách phòng chống dịch, các hoạt động đi lại của người dân bị hạn chế, vì vậy các lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong hai năm 2020 và 2021 Doanh thu bị suy giảm nghiêm trọng: các chuyến bay thương mại Quốc tế không có, các chuyến bay nội địa bị cắt giảm, tần suất thấp, lượng khách ít... Lĩnh vực suất ăn là lĩnh vực mang lại Doanh thu chính cho Công ty (thông thường chiếm tỷ trọng hơn 65%/Tổng DT) hầu như chỉ hoạt động cầm chừng, Doanh thu của lĩnh vực này trong năm 2020 và 2021 suy giảm so với năm 2019 (trước khi có dịch) lần lượt là: 69,33% và 90,26%. Lĩnh vực Taxi (thông thường chiếm tỷ trọng hơn 14%/Tổng DT) cũng lần lượt suy giảm DT năm 2020 và 2021 so với năm 2019: 59,58% và 92,49% và lĩnh vực Taxi buộc phải dừng hoạt động do thua lỗ lớn. Lĩnh vực thương mại cũng chịu chung tình trạng suy giảm DT lớn như lĩnh vực cung ứng suất ăn. Lĩnh vực đào tạo nghề cũng bị ảnh hưởng sâu sắc, phải đóng cửa không hoạt động hơn 6 tháng trong hai năm 2020 và 2021, DT cũng bị suy giảm sâu.

Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Tiêu chí	31/12/2020	31/12/2021	Tỷ lệ 2021/2020	Tỷ trọng	
				31/12/2020	31/12/2021
Tài sản ngắn hạn	22.331,68	20.156,33	23,36%	23,36%	26,60%
Tài sản dài hạn	73.246,22	55.605,38	76,64%	76,64%	73,40%
Tổng tài sản	95.577,90	75.761,71	100,00%	100,00%	100,00%



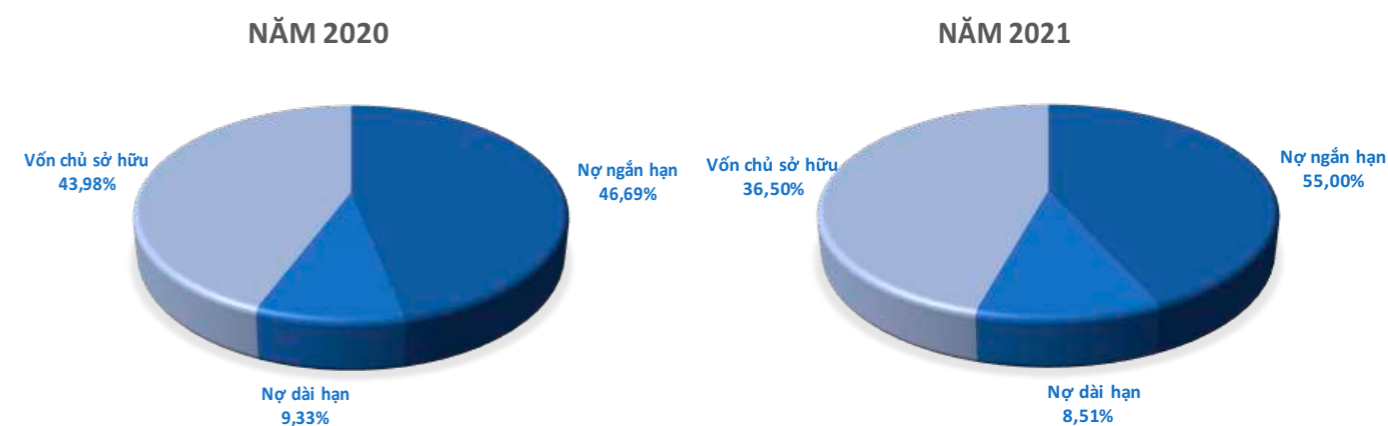
Trong năm 2021, tổng tài sản của Công ty giảm xuống còn 79,27% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng đạt 75,76 tỷ đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm xuống còn 90,26% so với cùng kỳ, nguyên nhân các khoản phải thu giảm do các dịch vụ cung ứng cho các hãng hàng không bị cắt giảm, tần suất cứng thấp, lượng khách ít... doanh thu cung ứng cho các hãng Hàng không suy giảm sâu, ngoài ra các khoản chi phí trả trước ngắn hạn giảm cũng làm cho tài sản ngắn hạn 31/12/2021 giảm so với cùng kỳ.

Tài sản dài hạn 31/12/2021 cũng giảm xuống còn 75,92% so với cùng kỳ do Công ty thực hiện thanh lý 50 xe Taxi hoạt động kém hiệu quả.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Tỷ lệ	Tỷ trọng	
				31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	44.622,97	41.666,43	93,37%	93,37%	55,00%
Nợ dài hạn	8.920,92	6.444,31	72,24%	72,24%	8,51%
Vốn chủ sở hữu	42.034,01	27.650,96	65,78%	65,78%	36,50%
Nguồn vốn	95.577,90	75.761,70	79,27%	79,27%	100,00%



Các khoản nợ phải trả trong năm 2021 giảm so với năm 2020 trong đó nợ ngắn hạn giảm xuống còn 93,37% so với cùng kỳ, trong đó nợ phải trả người bán giảm 37,92% và các khoản nợ vay Ngân hàng cũng giảm 15,14% so với cùng kỳ.

Vốn chủ sở hữu giảm xuống còn 65,78% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính do khoản lỗ nặng nề của năm 2021 trên 14,8 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn của Công ty giảm so với cùng kỳ 20,73% tương ứng: 19,82 tỷ đồng.

Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty ý thức rất rõ những tác động to lớn của đại dịch, và những tác động này là bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh) vì vậy đã triển khai nhiều biện pháp quyết liệt nhằm hạn chế tối đa chi phí, triệt để tiết kiệm, cơ cấu lại các lĩnh vực kinh doanh thua lỗ, bố trí sắp xếp lao động tối ưu nhằm tiết kiệm chi phí nhân công trong bối cảnh phải phòng chống dịch...



- Cập nhật liên tục tình hình diễn biến của dịch trên thế giới cũng như tại Việt Nam và tại các địa phương nơi Công ty có cơ sở kinh doanh để có những chính sách phù hợp trong từng thời điểm. Kịp thời điều chỉnh Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021.
- Làm việc với các nhà cung cấp, các đơn vị cho thuê mặt bằng, dịch vụ để có chính sách giảm chi phí và hỗ trợ Công ty nhằm giảm thiệt hại cho Công ty trong thời gian bị ảnh hưởng của dịch.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 trong bối cảnh dịch đang diễn biến rất phức tạp với những nội dung lớn đã được thông qua trong đại hội: Bầu lại HĐQT, Ban kiểm soát. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, của Ban kiểm soát.
- Lập phương án tái cơ cấu Xí nghiệp vận chuyển hành khách và thực hiện thành công phương án mà Đại hội đã giao.
- Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2008 và hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm 22000:2005.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị kể cả trong thời gian bị đóng cửa hoạt động do dịch. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách tiết kiệm, chấp hành quy định và kỷ luật lao động trong toàn Công ty.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Thực hiện tái cơ cấu toàn diện các lĩnh vực kinh doanh của Công ty theo đó tập trung nâng cao hơn nữa hiệu quả các lĩnh vực hiện đang có lãi, ngừng hoạt động trong lĩnh vực thua lỗ, hoặc chuyển nhượng các lĩnh vực thiếu điều kiện kinh doanh, phát triển thêm các mảng kinh doanh ngoài ngành Hàng không để tận dụng năng lực cơ sở hạ tầng hiện có tăng doanh thu. tập trung nguồn lực vào lĩnh vực cốt lõi.
- Triển khai các chiến lược cạnh tranh, các chính sách kiểm tra đánh giá về dịch vụ cung ứng suất ăn theo tiêu chuẩn của các hãng Hàng không, luôn đổi mới, cải tiến xây dựng thực đơn mới đa dạng, đáp ứng các tiêu chuẩn của các hãng Hàng không.
- Chủ động tiếp cận và chào hàng với các hãng hàng không mới, chú ý các chính sách chiết khấu và hậu mãi đối với các đối tác nhằm giữ vững ổn định các loại hình kinh doanh đã xác định là loại hình chiến lược của Công ty: các lĩnh vực liên quan đến dây chuyền vận tải Hàng không tại các sân bay miền Trung.
- Công tác kiểm tra, bảo dưỡng bảo trì cơ sở hạ tầng máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển được chú trọng và thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo trang thiết bị luôn sẵn sàng hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 để nâng cao chất lượng dịch vụ và yêu cầu khắt khe của các hãng Hàng không.
- Tiếp tục rà soát sắp xếp lại lao động hiện có, cơ cấu tổ chức, có chính sách tiền lương linh hoạt để giữ chân lao động có chuyên môn cao, động viên khuyến khích người lao động gắn bó và cùng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn này.



Giải trình của Ban điều hành với ý kiến kiểm toán

- Theo ý kiến của Báo cáo kiểm toán độc lập do Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 64. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 64. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BDH
- 66. Kế hoạch định hướng của HĐQT

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá tác động to lớn của đại dịch đến ngành Hàng không nói chung và của Công ty nói riêng, trong đó tất cả các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều chịu tác động nặng nề của đại dịch từ năm 2020 và kéo dài đến hết năm 2021. Tác động này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong toàn Công ty. Công ty đã linh hoạt trong công tác điều hành hoạt động SXKD trước những diễn biến phức tạp của dịch và các biện pháp phòng chống dịch của Chính phủ, các cơ quan quản lý Nhà nước từng địa phương nơi Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo đó Công ty đã đưa ra các giải pháp để triển khai điều hành hoạt động SXKD thích ứng với từng giai đoạn trong năm, thực hiện chính sách thắt lưng buộc bụng, triệt để tiết kiệm chi phí, giảm chi phí quản lý, rà soát và cắt giảm lao động, tiền lương cho phù hợp với sản lượng thực tế nên tổng chi phí thực hiện trong năm 2021: 66,73 tỷ đồng, giảm 34,63% so với KH 2021 mặc dù Doanh thu và các khoản thu nhập khác giảm 49,67% so với KH2021.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NĂM 2021:

- Năm 2021, Masco tiếp tục đối mặt với những khó khăn do dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước và trên thế giới, khiến việc di chuyển bằng đường hàng không trở nên hạn chế. Các tỉnh thành và các quốc gia đều đưa ra những biện pháp và chính sách quản lý chặt chẽ việc đi lại bằng đường hàng không, vì vậy lượng khách giảm sâu. Đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng, có giai đoạn tất cả các doanh nghiệp phải tạm ngừng toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Hoạt động vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu bị gián đoạn ở nhiều khâu dẫn đến việc thiếu nguyên vật liệu phục vụ SXKD, tăng giá đột biến ở nhiều mặt hàng nhập khẩu, nguyên phụ liệu bánh mì, xăng dầu...

CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm, cụ thể:



- Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm, cụ thể:
- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng Quý và theo yêu cầu đột xuất, HĐQT đã trao đổi ý kiến và chất vấn các hoạt động của Tổng giám đốc trong việc thực hiện chiến lược, kế hoạch và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT đã thông qua.
- HĐQT cùng với Ban điều hành đã thảo luận, trao đổi các nội dung công việc trên tinh thần thẳng thắn, xây dựng vì lợi ích chung của Công ty và các cổ đông, cùng bàn bạc và được những giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn nhằm hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao phó;
- Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng, họp đột xuất để triển khai nhanh chóng, kịp thời các nhiệm vụ đến Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng của đơn vị.
- HĐQT đã nắm bắt sâu sát hoạt động điều hành của Công ty. Định hướng cho hoạt động của Công ty đi đúng mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ được Đại hội cổ đông thông qua.
- Chủ tịch HĐQT đã chủ động có các buổi tiếp xúc, làm việc với các cổ đông có vốn lớn tại Công ty nhằm tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ Công ty trong quá trình SXKD và quản trị doanh nghiệp.
- Năm 2021 HĐQT đã ban hành nhiều nghị quyết trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ SXKD đúng theo qui định của điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết đó.



Kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị

MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG

- Duy trì và giữ vững các loại hình kinh doanh đã xác định là chiến lược của Công ty, ưu tiên hàng đầu cho các lĩnh vực kinh doanh liên quan đến dây chuyền vận tải hàng không và kinh doanh thương mại tại các cảng hàng không miền Trung.
- Triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh không đạt hiệu quả và không đủ điều kiện hoạt động trong giai đoạn 2021-2022.
- Bảo đảm tình hình tài chính an toàn, lành mạnh, quản lý chặt chẽ chi phí, chất lượng hàng hóa đầu vào, công nợ. Tăng cường mối quan hệ hỗ trợ, hợp tác và cung ứng sản phẩm nội bộ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khủng hoảng (năm 2022) và chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi (từ năm 2023).
- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án phục vụ các dịch vụ thuộc dây chuyền vận tải hàng không nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo ổn định trong giai đoạn khủng hoảng và yêu cầu phát triển bền vững của Công ty.
- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đảm bảo nguồn nhân lực để thực hiện tốt kế hoạch SXKD và đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.
- Đảm bảo tuyệt đối an ninh hàng không, an toàn vệ sinh thực phẩm trong các khâu của quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ hàng không và qui định của các bên quan tâm.
- Đối với công tác thị trường, marketing: Xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch Marketing cụ thể và đề xuất các giải pháp phối hợp các đơn vị triển khai thực hiện trong giai đoạn 2022-2025. Trong đó chú trọng mảng kinh doanh trong dây chuyền hàng không.
- Tiếp tục triển khai áp dụng chiến lược cạnh tranh về dịch vụ cung ứng suất ăn theo các tiêu chuẩn yêu cầu của các hãng hàng không. Tập trung xây dựng và áp dụng chiến lược chi phí thấp, đặc biệt quan tâm 3 yếu tố chính là giá cả, cơ cấu thực đơn và chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng toàn diện: từ khâu hàng hóa đầu vào, kiểm soát quá trình sản xuất thông qua hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000 nhằm đảm bảo tốt các yêu cầu ngày càng cao, theo tiêu chuẩn quốc tế của các Hãng bay và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Đối với các đơn vị kinh doanh thương mại, đào tạo lái xe: phân tích đánh giá tình hình thực hiện SXKD hàng năm, dự báo tăng trưởng của thị trường, các yếu tố khách quan của môi trường kinh doanh để xây dựng kế hoạch SXKD, tái cơ cấu tổ chức... cho phù hợp với tình hình của từng loại hình, đơn vị.
- Đối với chi phí tăng cường công tác kiểm tra, giám sát dựa trên các định mức kinh tế kỹ thuật đã ban hành và triệt để tiết kiệm chi phí trong tất cả các khâu trong quá trình sản xuất và quản lý. Xây dựng và áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để đáp ứng yêu cầu quản lý kịp thời, hiệu quả.
- Kiểm soát tốt công nợ, xử lý dứt điểm các khoản nợ phải thu khó đòi, quá hạn theo đúng thủ tục quy định của Nhà nước.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	51.896	98.190
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	66.733	95.515
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(14.837)	2.675
4	Lợi nhuận ròng	Triệu đồng	(14.837)	2.140
a	LN Công ty (Cổ Đông)	Triệu đồng	(14.874)	55
b	Chi cho hợp tác kinh doanh	Triệu đồng	37	2.085
5	Lao động bình quân	Triệu đồng	295	330
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	4,40	6,27
7	Vốn chủ sở hữu bình quân	Triệu đồng	38.842	28,698





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

70. Mục tiêu phát triển bền vững

70. Báo cáo tác động liên quan tới môi trường

Mục tiêu phát triển bền vững

Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Hàng không và phi Hàng không như: cung ứng suất ăn, vật dụng trên tàu bay, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, dịch vụ thương mại-bách hóa, chế biến ăn uống tại các nhà ga sân bay, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô, mô tô... MASCO đã từng bước ngày càng lớn mạnh và đóng vai trò mấu chốt quan trọng trong dây chuyền vận tải Hàng không tại các cảng Hàng không miền Trung.

Phương châm của Công ty là sự phát triển bền vững của Công ty đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục, tạo việc làm và môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên của Công ty. Không ngừng đổi mới, sử dụng những công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm nhiên liệu và tránh những tác hại ảnh hưởng tới môi trường và người lao động. Phương châm của Công ty là đem lại lợi ích cho khách hàng, cổ đông và không ngừng nâng cao lợi ích của cán bộ công nhân viên và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Báo cáo tác động liên quan tới môi trường

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

- Hiện nay, sản phẩm chính của Công ty là cung cấp suất ăn lên tàu bay, theo đó nguyên liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm suất ăn chính là thực phẩm tươi sống và rau củ quả, với sản lượng cung ứng suất ăn cả năm 2021: 245.000 suất ăn được sản xuất trong năm nên lượng nguyên liệu chế biến khoảng gần 54 tấn.
- Tỷ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Công ty không sử dụng nguyên liệu tái chế.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp, mức điện tiêu thụ trực tiếp trong năm 2021 là : 580.000 kwh.
- Mức nhiên liệu (xăng, dầu) Công ty tiêu thụ trong năm 2021: 201.862 lít/năm.
- Năng lượng tiết kiệm được qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN TỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

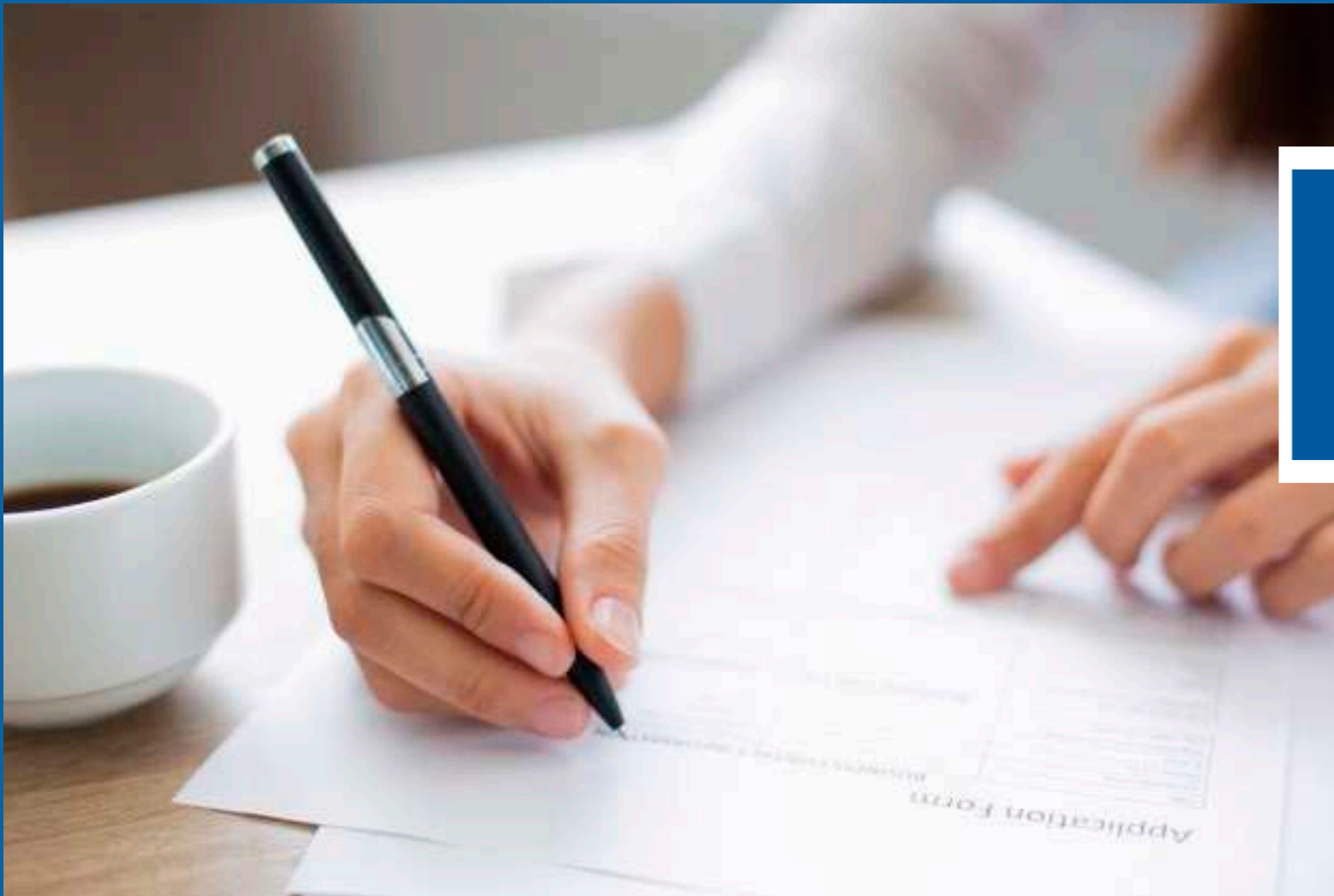
Là một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực. Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn từ 2021-2025, Ban lãnh đạo Công ty luôn ý thức được yếu tố con người là quyết định then chốt cho mọi sự thành công của doanh nghiệp, vì vậy Công ty luôn ưu tiên thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực. Với đội ngũ cán bộ, nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2021: 250 người, chính sách nhân sự của Masco với mục đích đưa nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh của Công ty, được thể hiện đồng bộ từ chính sách tuyển dụng, đào tạo-phát triển, lương-thưởng, phúc lợi, các chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc và phát triển văn hóa doanh nghiệp để giữ người giỏi, thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho tất cả CB-CNV được làm việc tốt nhất, được phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty.

Công ty luôn tích cực tham gia những hoạt động thiết thực hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Vẫn còn nhiều việc phải thực hiện nhưng chúng tôi quyết tâm tiến bước mạnh mẽ trên hành trình thực hiện những trách nhiệm của công ty đối với xã hội. Những hoạt động xã hội từ thiện luôn được Ban lãnh đạo và nhân viên MASCO thường xuyên tích cực hưởng ứng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng. Công ty cũng thường xuyên tài trợ cho các hoạt động thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương năm 2021 bao gồm các hoạt động sau:

Viếng thăm các trung tâm nuôi dưỡng người già, trẻ em mồ côi, tàn tật, các trẻ em bị bệnh hiểm nghèo trong các ngày Lễ, Tết, Giáng Sinh, Trung Thu, Quốc Tế Thiếu Nhi.

Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, ngoài ra còn đóng góp 2 ngày lương cho “Quỹ tình thương” của công đoàn Vietnam Airlines để tài trợ cho các hoạt động xã hội của Vietnam Airlines.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

74. Hoạt động của hội đồng quản trị

76. Hoạt động của ban kiểm soát

72. Hoạt động của BDH và Kế toán trưởng

78. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
HĐQT, BGD, BKS

Hoạt động của Hội đồng quản trị

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định kỳ, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty. Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Trong năm 2021, HĐQT đã họp trực tiếp và ban hành 12 Nghị quyết.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp. Cụ thể:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT		4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Thanh Đông	Ủy viên HĐQT		4/4	100%	
3	Ông Trần Thanh Hải	Ủy viên HĐQT		4/4	100%	
4	Bà Vũ Thị Thu Bồn	Ủy viên HĐQT	25/06/2021	2/4	100%	
5	Bà Lê Thị Thùy Linh	Ủy viên HĐQT		4/4	100%	
6	Nguyễn Thị Thùy Linh	Ủy viên HĐQT	25/06/2021	2/4	100%	

Hoạt động của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban hành 12 Nghị Quyết như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số: 01/NQ-HĐQT-DVĐN	02/02/2021	V/v: Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý IV và năm 2020, lãnh đạo SXKD quý I năm 2021.
2	Số: 02/NQ-HĐQT-DVĐN	04/03/2021	Thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty.
3	Số: 03/NQ-HĐQT-DVĐN	30/03/2021	Chốt danh sách tham dự và triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
4	Số: 04/NQ-HĐQT-DVĐN	23/04/2021	Thông qua báo cáo SXKD quý 1/2021, lãnh đạo SXKD quý 2/2021 và triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
5	Số: 05/NQ-HĐQT-DVĐN	12/05/2021	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021
6	Số: 07/NQ-HĐQT-DVĐN	25/06/2021	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Tổng Giám đốc nhiệm kỳ IV
7	Số: 08/NQ-HĐQT-DVĐN	29/06/2021	Phê duyệt Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư năm 2021.
8	Số: 09/NQ-HĐQT-DVĐN	29/06/2021	Phê duyệt và triển khai Phương án thanh lý xe Taxi tại Xí nghiệp vận chuyển hành khách.
9	Số: 10/NQ-HĐQT-DVĐN	21/07/2021	Lựa chọn Công ty kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng và năm 2021
10	Số: 11/NQ-HĐQT-DVĐN	29/10/2021	Bổ nhiệm cán bộ nhiệm kỳ IV (2021-2026)
11	Số: 12/NQ-HĐQT-DVĐN	09/11/2021	Thông qua BCTC 6 tháng, BC kết quả SXKD quý III, và 9 tháng 2021, lãnh đạo SXKD quý IV năm 2021.
12	Số: 13/NQ-HĐQT-DVĐN	10/11/2021	Thông qua phương án gia hạn HĐ hợp tác kinh doanh với TTDN Đà Nẵng và TTDN Thừa Thiên Huế.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Cử nhân kinh tế
2	Ông Nguyễn Dũng	Ủy viên Ban kiểm soát	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Cử nhân kinh tế
3	Ông Lê Giang Nam	Ủy viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Thạc sĩ Luật
4	Bà Dương Thùy Vân	Ủy viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm tháng 4/2016. Miễn nhiệm ngày 25/06/2021	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

Trong năm các thành viên Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp, cụ thể:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng BKS		4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Dũng	Ủy viên BKS		4/4	100%	
3	Ông Lê Giang Nam	Ủy viên BKS	25/06/2021	2/4	50%	Mới bổ nhiệm
4	Bà Dương Thùy Vân	Ủy viên BKS	25/06/2021	2/4	50%	Mới bổ nhiệm

Ban kiểm soát công ty trong năm đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:

- Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT công ty. Theo đó, nhìn chung, trong năm 2021, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT đã triển khai thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã đề ra từ sau ĐHĐCĐ.
- Trưởng Ban kiểm soát đã chỉ đạo các kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động của đơn vị, hàng quý thực hiện kiểm tra các đơn vị để hỗ trợ các đơn vị thực hiện công tác hạch toán kế toán đúng quy định đồng thời thực hiện đúng chính sách với người lao động.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, năm của Phòng Tài chính Kế toán Công ty lập trước khi trình hội đồng quản trị đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

Hoạt động của Ban điều hành và Kế toán trưởng

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám Đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021	Cử nhân kinh tế
2	Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám Đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021	Thạc sĩ QTKD
3	Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021	Cử nhân kinh tế
4	Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021	Cử nhân kinh tế

Ban điều hành Công ty đã luôn theo dõi sát sao diễn biến tình hình dịch và các chính sách phòng chống dịch của chính phủ, các bộ ngành và các địa phương để có những chỉ đạo phù hợp trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty: bố trí nhân lực trong từng thời kỳ, phù hợp với sản lượng cung ứng suất ăn mỗi sân bay có chuyến bay đi và đến, vận hành và bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc công tác phù hợp đảm bảo vừa phòng chống dịch, vừa sẵn sàng phục vụ khi có chuyến bay, triệt để tiết kiệm chi phí, hoãn hoặc dừng đầu tư để giảm tổn thất cho Công ty... mọi hoạt động của Ban điều hành đều hướng đến mục tiêu đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty không bị gián đoạn, đảm bảo Công ty không mất khả năng thanh toán mặc dù hoạt động SXKD thua lỗ trong hai năm liên tiếp, đảm bảo được thu nhập tối thiểu cho NLD, tìm kiếm các nguồn hỗ trợ thêm cho NLD...



Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
I.	Hội đồng quản trị		63,180,000	526,709,091	14,600,000
1	Đào Mạnh Kiên	Chủ Tịch HĐQT	19,500,000		
2	Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT	10,920,000	256,170,000	5,500,000
3	Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	10,920,000	200,658,000	5,500,000
4	Vũ Thị Thu Bồn	Thành viên HĐQT	5,460,000		
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	5,460,000		
6	Lê Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	10,920,000	69,881,091	3,600,000
II.	Ban kiểm soát		15,600,000	337,109,455	16,000,000
1	Đình Hồng Sơn	Trưởng ban		93,600,000	
2	Nguyễn Dũng	Thành viên	7,800,000	53,526,000	5,500,000
3	Dương Thùy Vân	Thành viên	3,900,000	79,381,455	5,000,000
4	Lê Giang Nam	Thành viên	3,900,000	110,602,000	5,500,000
III.	Ban điều hành		78,780,000	863,818,546	30,600,000
1	Nguyễn Thanh Đông	Giám Đốc			
2	Trần Thanh Hải	Phó Giám Đốc			
3	Phạm Văn Hà	Phó Giám Đốc		200,658,000	5,500,000
4	Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng		180,804,000	5,500,000





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán:
chấp nhận toàn phần Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kiểm toán



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Masco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/4/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0400102045) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30/06/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MAS. Ngày bắt đầu giao dịch chính thức là ngày 15/07/2014.

Vốn điều lệ : 42.676.830.000 đồng
Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 42.676.830.000 đồng

Công ty có 9 đơn vị trực thuộc, bao gồm:

- Chi nhánh Phú Bài;
- Chi nhánh Nha Trang;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Đà Nẵng;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Thừa Thiên Huế;
- Xí nghiệp Vận chuyển hành khách;
- Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay;
- Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không;
- Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ;
- Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 236 3830340
- Fax: (84) 236 3826133
- Email: masco@masco.com.vn
- Website: www.masco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hoá bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, xi măng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2020 là 418 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 19 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/06/2020
• Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
		Miễn nhiệm ngày 26/06/2020
• Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Ông Trần Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/03/2017
• Bà Vũ Thị Thu Bồn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016

Ban Kiểm soát

• Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27/05/2019
• Ông Nguyễn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/05/2019
• Bà Dương Thùy Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/04/2016

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2016
• Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2016
• Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/05/2018

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2021

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 086/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 20/02/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đính kèm từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2021

Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2018-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.331.682.222	35.934.305.002
I. Tiền và các khoản trong đương tiền	110		6.949.392.466	10.268.028.034
1. Tiền	111	5	6.949.392.466	10.268.028.034
2. Các khoản trong đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.900.267.861	15.853.435.290
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.245.801.452	14.268.008.672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	50.665.740	275.944.967
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.084.925.668	2.790.606.650
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.481.124.999)	(1.481.124.999)
IV. Hàng tồn kho	140	10	5.142.173.646	7.569.879.463
1. Hàng tồn kho	141		5.142.173.646	7.569.879.463
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.339.848.249	2.242.962.215
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	2.304.603.305	2.242.962.215
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	35.244.944	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.246.216.441	89.247.193.424
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.087.350.286	85.600.686.045
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	70.539.656.505	85.025.758.936
- Nguyên giá	222		190.995.441.699	203.512.845.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.455.785.194)	(118.487.086.971)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	547.693.781	574.927.109
- Nguyên giá	228		806.083.100	806.083.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(258.389.319)	(231.155.991)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.158.866.155	3.646.507.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	2.158.866.155	3.646.507.379
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		95.577.898.663	125.181.498.426

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.543.887.313	67.934.408.482
I. Nợ ngắn hạn	310		44.622.968.213	54.226.620.682
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.074.739.931	14.238.801.208
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	9.401.814.010	7.704.557.532
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	823.175.705	2.048.963.139
4. Phải trả người lao động	314		4.140.844.677	5.245.353.331
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	198.586.781	146.595.199
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	4.545.495.840	3.093.223.660
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	3.463.286.489	3.569.496.645
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	9.743.974.780	15.243.952.340
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.231.050.000	2.935.677.628
II. Nợ dài hạn	330		8.920.919.100	13.707.787.800
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	3.640.000.000	3.640.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	5.280.919.100	10.067.787.800
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.034.011.350	57.247.089.944
I. Vốn chủ sở hữu	410		42.034.011.350	57.247.089.944
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	42.676.830.000	42.676.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.676.830.000	42.676.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	803.208.113	803.208.113
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	(1.446.026.763)	13.767.051.831
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.707.051.831	123.285.253
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.153.078.594)	13.643.766.578
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		95.577.898.663	125.181.498.426

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Đông
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu



Phạm Thị Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	98.974.575.660	254.834.141.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.680.127.819	6.184.487.365
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		97.294.447.841	248.649.654.103
4. Giá vốn hàng bán	11	25	95.613.952.460	202.846.312.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		1.680.495.381	45.803.341.207
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	41.008.726	169.501.943
7. Chi phí tài chính	22	27	2.398.873.822	3.077.617.543
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.698.873.826	2.659.833.074
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	4.206.554.202	7.520.029.722
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	10.468.457.711	18.191.542.506
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.352.381.628)	17.183.653.379
11. Thu nhập khác	31	29	4.923.436.367	2.048.575.302
12. Chi phí khác	32	30	660.013.612	336.139.569
13. Lợi nhuận khác	40		4.263.422.755	1.712.435.733
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(11.088.958.873)	18.896.089.112
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	3.438.264.561
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(11.088.958.873)	15.457.824.551
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(2.848)	2.480
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	(2.848)	2.480

121 121 121 121 121



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(11.088.958.873)	18.896.089.112
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12;13	16.326.471.673	16.851.431.442
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(27.214.729)	(89.806.740)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26;29	(4.061.710.896)	(828.986.641)
- Chi phí lãi vay	06	27	1.698.873.826	2.659.833.074
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		2.847.461.001	37.488.560.247
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.956.480.845	(3.780.341.259)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.427.705.817	57.589.965
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.020.049.472)	5.796.030.654
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.426.000.134	(87.544.503)
- Tiền lãi vay đã trả	14	17;27	(1.755.137.606)	(2.726.198.203)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(868.530.451)	(3.385.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.318.045.871)	(3.006.029.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.695.884.397	30.357.066.976
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.813.135.914)	(5.042.995.086)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		4.047.916.899	1.514.990.911
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8	13.793.997	23.620.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.248.574.982	(3.504.384.099)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	9.250.629.051	17.975.264.925
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	20	(19.542.955.811)	(27.833.734.639)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.778.978.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.292.326.760)	(21.637.447.824)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5	(3.347.867.381)	5.215.235.053
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.268.028.034	5.047.257.845
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		29.231.813	5.535.136
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	6.949.392.466	10.268.028.034

121 121 121 121 121



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Masco (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/4/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0400102045) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Chế biến suất ăn trên máy bay, kinh doanh thương mại và dịch vụ; đào tạo lái xe ô tô và mô tô.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hoá bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, ciment);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 9 đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Phú Bài;
- Chi nhánh Nha Trang;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Đà Nẵng;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Thừa Thiên Huế;
- Xí nghiệp Vận chuyển hành khách;
- Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay;
- Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không;
- Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ;
- Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong niên độ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	4 - 6

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong niên độ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng niên độ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Vận chuyển suất ăn, tiếp viên, tổ lái taxi, cung ứng suất ăn; nước uống, phí phục vụ; cung cấp các sản phẩm khác phục vụ các chuyến bay: Áp dụng mức thuế suất 10%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất tương ứng theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 20%;
 - ✓ Đối với hoạt động đào tạo của Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2020		01/01/2020	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		697.787.534		637.307.040
+ VND		600.054.636		539.722.640
+ USD	4.242,80 #	97.732.898	4.242,80 #	97.584.400
- Tiền gửi ngân hàng		6.251.604.932		9.630.720.994
+ VND		6.169.160.824		7.713.539.810
+ USD	3.579,08 #	82.444.108	82.637,12 #	1.917.181.184
Cộng		6.949.392.466		10.268.028.034

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	1.481.124.999
Công ty CP Hàng không Tre Việt	942.923.897	3.274.008.147
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	698.741.264	384.360.512
Các đối tượng khác	4.123.011.292	9.128.515.014
Cộng	7.245.801.452	14.268.008.672

Trong đó số dư với các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	698.741.264	384.360.512
Cộng	698.741.264	384.360.512

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Cảng HKQT Phú Bài- CN TCT Cảng HK Việt Nam	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Ngọc Vũ Long	17.400.000	-
Các đối tượng khác	3.265.740	245.944.967
Cộng	50.665.740	275.944.967

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.542.868.927	-	2.259.734.767	-
Ký cược, ký quỹ	192.000.000	-	192.000.000	-
Phải thu khác	350.056.741	-	338.871.883	-
Cộng	2.084.925.668	-	2.790.606.650	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn - Từ 3 năm trở lên	1.481.124.999	1.481.124.999
Cộng	1.481.124.999	1.481.124.999

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.687.099.056	-	3.615.187.161	-
Công cụ, dụng cụ	21.527.916	-	7.761.940	-
Hàng hóa	3.433.546.675	-	3.946.930.362	-
Cộng	5.142.173.646	-	7.569.879.463	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	278.082.112	579.917.689
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất, thuê xe	1.449.000.000	292.600.806
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	49.568.174	434.080.866
Chi phí sửa chữa, đào tạo khác	527.953.019	936.362.854
Cộng	2.304.603.305	2.242.962.215

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	328.803.238	814.103.768
Chi phí đào tạo chứng chỉ nghề lĩnh vực suất ăn	333.408.562	618.508.516
Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh	770.000.000	1.190.000.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo	726.654.355	1.023.895.095
Cộng	2.158.866.155	3.646.507.379

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.858.359.683	31.616.776.422	116.793.564.357	1.244.145.445	203.512.845.907
Mua sắm trong năm	562.850.914	106.285.000	1.144.000.000	-	1.813.135.914
Đ/tư XD/CB h/thành	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	14.330.540.122	-	14.330.540.122
Số cuối năm	54.421.210.597	31.723.061.422	103.607.024.235	1.244.145.445	190.995.441.699
Khấu hao					
Số đầu năm	20.234.073.166	14.489.713.517	82.722.227.939	1.041.072.349	118.487.086.971
Khấu hao trong năm	3.245.051.147	4.081.714.014	8.920.569.416	51.903.768	16.299.238.345
T/lý, nhượng bán	-	-	14.330.540.122	-	14.330.540.122
Số cuối năm	23.479.124.313	18.571.427.531	77.312.257.233	1.092.976.117	120.455.785.194
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	33.624.286.517	17.127.062.905	34.071.336.418	203.073.096	85.025.758.936
Số cuối năm	30.942.086.284	13.151.633.891	26.294.767.002	151.169.328	70.539.656.505

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 20.096.339.175 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 40.663.706.562 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	473.227.100	332.856.000	806.083.100
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	473.227.100	332.856.000	806.083.100
Khấu hao			
Số đầu năm	-	231.155.991	231.155.991
Khấu hao trong năm	-	27.233.328	27.233.328
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	258.389.319	258.389.319
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	473.227.100	101.700.009	574.927.109
Số cuối năm	473.227.100	74.466.681	547.693.781

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng được sử dụng để xây dựng văn phòng Công ty và Nhà máy chế biến suất ăn hàng không tại Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 181.856.000 đồng.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Đỗ Thị Phương Thảo	1.131.503.881	1.336.581.026
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Richy Miền Nam	684.987.368	145.087.272
Lê Tiến Minh	843.780.000	805.350.000
Các đối tượng khác	7.414.468.682	11.951.782.910
Cộng	10.074.739.931	14.238.801.208

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	4.142.129.634	5.452.306.780
Thu tiền trước của học viên Trung tâm dạy nghề	5.128.160.001	2.241.940.000
Các đối tượng khác	131.524.375	10.310.752
Cộng	9.401.814.010	7.704.557.532

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	970.899.244	3.727.596.371	3.997.071.903	-	701.423.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	833.285.507	-	868.530.451	35.244.944	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	244.778.388	395.088.993	518.115.388	-	121.751.993
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	-	2.048.963.139	4.131.685.364	5.392.717.742	35.244.944	823.175.705

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Lãi vay dự trả	73.201.419	129.465.199
Trích trước chi phí đồng phục	120.813.000	-
Chi phí phải trả khác	4.572.362	17.130.000
Cộng	198.586.781	146.595.199

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm dạy nghề Đà Nẵng	2.323.481.088	2.605.610.187
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm dạy nghề Thừa Thiên Huế	2.222.014.752	189.961.957
Doanh thu quảng cáo	-	297.651.516
Cộng	4.545.495.840	3.093.223.660

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	166.385.346	217.741.702
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	810.396.059	1.246.341
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	432.150.000	432.300.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	128.607.798	128.607.798
Phải trả khác	1.925.747.286	2.789.600.804
- Các lái xe taxi (tiền trách nhiệm)	806.796.169	1.212.696.169
- Các giáo viên dạy lái xe (tiền trách nhiệm)	40.000.000	65.000.000
- Lợi nhuận phải trả cho các bên hợp tác đầu tư	902.403.525	1.391.702.047
- Phải trả khác	176.547.592	120.202.588
Cộng	3.463.286.489	3.569.496.645

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh tại:		
- Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Đà Nẵng	1.640.000.000	1.640.000.000
- Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Thừa Thiên Huế	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.640.000.000	3.640.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	7.095.865.426	9.250.629.051	12.661.032.897	3.685.461.580
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	7.095.865.426	9.250.629.051	12.661.032.897	3.685.461.580
Vay dài hạn đến hạn trả	8.148.086.914	4.796.459.800	6.886.033.514	6.058.513.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	1.497.870.400	385.509.800	386.477.000	1.496.903.200
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	6.150.324.514	4.410.950.000	5.999.664.514	4.561.610.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	499.892.000	-	499.892.000	-
Cộng	15.243.952.340	14.047.088.851	19.547.066.411	9.743.974.780

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	10.067.787.800	7.901.185	4.794.769.885	5.280.919.100
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (a)	2.621.737.800	7.901.185	383.819.885	2.245.819.100
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (b)	7.446.050.000	-	4.410.950.000	3.035.100.000
Cộng	10.067.787.800	7.901.185	4.794.769.885	5.280.919.100

MASCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- a) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 104/2017/VCB-KHDN ngày 10/10/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 306.358,5 USD, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất theo lãi suất vay cơ bản và margin. Lãi suất vay cơ bản điều chỉnh theo quý. Margin tại ngày ký hợp đồng là 4,2%. Mục đích vay: Mua sắm 3 xe chuyên chở suất ăn phục vụ hoạt động cung ứng suất ăn tại các Sân bay. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- b) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 12/04/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 1.472.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày giải ngân. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án mua 05 xe ô tô hiệu Nissan Sunny. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2017-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 15/05/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 1.909.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày giải ngân. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án mua 02 xe ô tô hiệu Ford Ranger. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 05/2017-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 26/07/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 4.855.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày giải ngân. Mục đích vay: sử dụng để thanh toán chi phí đầu tư thay thế 10 xe ô tô hiệu Toyota Innova để phục vụ hoạt động kinh doanh taxi. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 01/02/2018: Số tiền vay theo hợp đồng 990.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu 8,5% và điều chỉnh theo quý. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí hợp lý đầu tư lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị tại các kho lạnh và kho đông. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2018-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 09/02/2018: Số tiền vay theo hợp đồng 675.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu 8,5% và điều chỉnh theo quý. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí hợp pháp của Dự án đầu tư máy rửa chén công nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 03/2018-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 16/07/2018: Số tiền vay theo hợp đồng 10.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu 9% và điều chỉnh theo quý. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí hợp pháp của hoàn vốn đầu tư xây dựng nhà chế biến suất ăn Chi nhánh Cam Ranh.

11/31/2020 10:19:19 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	42.676.830.000	803.208.113	13.359.413.503	56.839.451.616
Tăng trong năm	-	-	15.457.824.551	15.457.824.551
Giảm trong năm	-	-	15.050.186.223	15.050.186.223
Số dư tại 31/12/2019	42.676.830.000	803.208.113	13.767.051.831	57.247.089.944
Số dư tại 01/01/2020	42.676.830.000	803.208.113	13.767.051.831	57.247.089.944
Tăng trong năm	-	-	(11.088.958.873)	(11.088.958.873)
Giảm trong năm	-	-	4.124.119.721	4.124.119.721
Số dư tại 31/12/2020	42.676.830.000	803.208.113	(1.446.026.763)	42.034.011.350

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	15.412.650.000	15.412.650.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.264.180.000	27.264.180.000
Cộng	42.676.830.000	42.676.830.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	13.767.051.831	13.359.413.503
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(11.088.958.873)	15.457.824.551
Phân phối lợi nhuận	4.124.119.721	15.050.186.223
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	3.060.000.000	13.236.128.250
+ Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.760.000.000	1.200.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	300.000.000	300.000.000
+ Chia cổ tức	-	11.736.128.250
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	1.064.119.721	1.814.057.973
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận HĐ hợp tác đầu tư	121.000.000	170.000.000
+ Chia lợi nhuận cho các bên theo HĐ hợp tác đầu tư	943.119.721	1.450.857.973
+ Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	193.200.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.446.026.763)	13.767.051.831

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020.

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 25%/cổ phiếu (một cổ phiếu được nhận 2.500 đồng). Theo Nghị quyết, tạm thời Công ty chưa chia lợi nhuận năm 2019 mà để lại nhằm giảm bớt khó khăn về vốn và dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty trong giai đoạn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19. Căn cứ tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty sẽ báo cáo cho các cổ đông sau.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại (USD)	7.821,88	86.879,92

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng hóa	4.770.337.334	14.253.161.421
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.204.238.326	240.580.980.047
Cộng	98.974.575.660	254.834.141.468

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Chiết khấu thương mại	169.839.819	5.365.977.366
Hàng bán bị trả lại	1.510.288.000	818.509.999
Cộng	1.680.127.819	6.184.487.365

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.552.826.827	7.524.457.998
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	93.061.125.633	195.321.854.897
Cộng	95.613.952.460	202.846.312.896

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.793.997	23.620.076
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.214.729	145.881.867
Cộng	41.008.726	169.501.943

27. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	1.698.873.826	2.659.833.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	15.044.745
Chiết khấu thanh toán	699.999.996	402.739.724
Cộng	2.398.873.822	3.077.617.543

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dùng cho bán hàng	69.433.848	206.434.236
Chi phí nhân công	1.510.248.082	3.503.221.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.952.920	45.952.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.428.941.882	3.369.908.547
Các khoản khác	151.977.470	394.512.295
Cộng	4.206.554.202	7.520.029.722

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí công cụ	82.029.256	646.807.655
Chi phí nhân viên quản lý	7.697.902.071	11.340.888.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.174.837.735	4.572.440.754
Các khoản khác	513.688.649	1.631.405.177
Cộng	10.468.457.711	18.191.542.506

29. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.047.916.899	805.366.565
Nhập kho hàng tận dụng	106.819.751	90.979.533
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	565.404.030	396.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng các trụ quảng cáo	-	700.000.000
Các khoản khác	203.295.687	56.229.204
Cộng	4.923.436.367	2.048.575.302

30. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Chi thường tận dụng	33.914.000	27.175.275
Chi phí xuất hủy hàng	36.085.424	23.377.937
Thù lao Ban Kiểm Soát	118.800.000	-
Các khoản khác	471.214.188	285.586.357
Cộng	660.013.612	336.139.569

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(11.088.958.873)	18.896.089.112
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.025.910.264	275.162.237
- Điều chỉnh tăng	1.058.455.493	334.428.427
+ Chi phí không được trừ	999.189.303	266.859.189
+ Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ tiền và các khoản phải thu năm trước	59.266.190	67.569.238
- Điều chỉnh giảm	32.545.229	59.266.190
+ Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ tiền và các khoản phải thu năm nay	32.545.229	59.266.190
Tổng thu nhập chịu thuế	(10.063.048.609)	19.171.251.349
- Thu nhập từ hoạt động được hưởng ưu đãi	2.188.056.459	3.959.857.089
- Thu nhập từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	(12.251.105.068)	15.211.394.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.438.264.561
- Thuế TNDN hoạt động được hưởng ưu đãi (10%)	-	395.985.709
- Thuế TNDN từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	-	3.042.278.852
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3.438.264.561

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.088.958.873)	15.457.824.551
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.064.119.721)	(4.874.057.973)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	1.064.119.721	4.874.057.973
+ Trích các quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS	121.000.000	3.423.200.000
+ Lợi nhuận chia hợp đồng hợp tác kinh doanh	943.119.721	1.450.857.973
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.153.078.594)	10.583.766.578
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.267.683	4.267.683
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.848)	2.480

- Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản khác do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này (trừ các khoản trích từ lợi nhuận của hợp đồng hợp tác đầu tư). Theo đó, chỉ tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.

- Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2019 được tính lại căn cứ vào số liệu phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020. Theo đó, Đại hội thông qua số liệu trích lập chính thức của Quỹ khen thưởng phúc lợi, khen thưởng ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là 3.423.200.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.713.068.532	96.076.793.383
Chi phí nhân công	33.928.499.411	68.061.481.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.326.471.673	16.851.431.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.631.493.696	27.430.313.049
Chi phí khác bằng tiền	6.136.604.234	12.613.407.907
Cộng	107.736.137.546	221.033.427.125

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là cung cấp các dịch vụ liên quan đến hàng không (suất ăn, vận chuyển tổ lái...) và ba bộ phận địa lý chính là Tỉnh Thừa Thiên Huế, Tỉnh Khánh Hòa và Thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý mà Công ty hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi tiêu	Thành phố Đà Nẵng		Tỉnh Khánh Hòa		Tỉnh Thừa Thiên Huế		Cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	61.698.032.324	152.017.013.015	15.480.017.599	84.998.113.120	21.796.525.737	17.819.015.333	98.974.575.660	254.834.141.468
Các khoản giảm trừ doanh thu	545.317.819	2.780.713.291	-	3.139.036.759	1.134.810.000	264.737.315	1.680.127.819	6.184.487.365
D.thu thuần về bán hàng & CCDV	61.152.714.505	149.236.299.724	15.480.017.599	81.859.076.361	20.661.715.737	17.554.278.018	97.294.447.841	248.649.654.103
Giá vốn hàng bán	59.171.780.312	118.774.673.698	20.862.494.645	70.624.550.282	15.579.677.503	13.447.088.915	95.613.952.460	202.846.312.896
LN gộp về bán hàng & cc dịch vụ	1.980.934.193	30.461.626.026	(5.382.477.046)	11.234.526.079	5.082.038.234	4.107.189.103	1.680.495.381	45.803.341.207
Chi phí khấu hao	9.562.844.245	10.217.096.715	5.741.127.277	5.698.418.607	1.022.500.151	935.916.120	16.326.471.673	16.851.431.442

Chi tiêu	Thành phố Đà Nẵng		Tỉnh Khánh Hòa		Tỉnh Thừa Thiên Huế		Cộng	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản cố định	25.424.832.276	34.881.391.521	38.071.984.660	43.813.111.937	7.590.533.350	6.906.182.587	71.087.350.286	85.600.686.045
- Nguyên Giá	91.199.710.231	105.123.160.101	75.723.114.571	75.723.114.571	24.878.699.997	23.472.654.335	191.801.524.799	204.318.929.007
- Khấu hao lũy kế	(65.774.877.955)	(70.241.768.580)	(37.651.129.911)	(31.910.002.634)	(17.288.166.647)	(16.566.471.748)	(120.714.174.513)	(118.718.242.962)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty có các giao dịch vay nợ bằng ngoại tệ và cung ứng suất ăn với các Hãng hàng không quốc tế nên sẽ chịu rủi ro về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính		
Tiền (USD)	7.821,88	86.879,92
Phải thu khách hàng (USD)	4.070,00	159.231,26
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ (USD)	161.220,00	177.340,00
Phải trả khác (USD)	10.000,00	10.000,00

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách đặt hàng theo quý, đối với các mặt hàng tiêu thụ với số lượng và giá trị lớn (cung ứng các loại nước uống trên máy bay), Công ty ký hợp đồng với nhà cung cấp cam kết giá bán cho Công ty được cố định 1 năm, hoặc ký hợp đồng mua hàng với điều khoản thanh toán sau khi hàng đã được tiêu thụ và áp dụng chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp, mua hàng thường xuyên với số lượng lớn tại một nhà cung cấp để được hưởng chính sách ưu đãi ... chủ động theo dõi thị trường để nắm bắt tình hình biến động, từ đó đưa ra các quyết sách để giảm ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào.

11/11/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các Hãng Hàng không. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách ký quỹ để thực hiện hợp đồng và yêu cầu thanh toán các khoản nợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh nợ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.074.739.931	-	10.074.739.931
Chi phí phải trả	198.586.781	-	198.586.781
Vay và nợ thuê tài chính	9.743.974.780	5.280.919.100	15.024.893.880
Phải trả khác	2.486.505.084	3.640.000.000	6.126.505.084
Cộng	22.503.806.576	8.920.919.100	31.424.725.676
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	14.238.801.208	-	14.238.801.208
Chi phí phải trả	146.595.199	-	146.595.199
Vay và nợ thuê tài chính	15.243.952.340	10.067.787.800	25.311.740.140
Phải trả khác	3.350.508.602	3.640.000.000	6.990.508.602
Cộng	32.979.857.349	13.707.787.800	46.687.645.149

Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện tại Công ty đang có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND	
			Tổng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.949.392.466	-	6.949.392.466	
Phải thu khách hàng	5.764.676.453	-	5.764.676.453	
Phải thu khác	542.056.741	-	542.056.741	
Cộng	13.256.125.660	-	13.256.125.660	
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.268.028.034	-	10.268.028.034	
Phải thu khách hàng	12.786.883.673	-	12.786.883.673	
Phải thu khác	530.871.883	-	530.871.883	
Cộng	23.585.783.590	-	23.585.783.590	

36. Thông tin các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty đầu tư
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Hàng không	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính

	Giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Bán hàng	34.201.561.699	133.275.053.962
	Chi trả cổ tức	-	4.238.478.750
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	Bán hàng	689.067.500	3.642.402.701
Công ty CP In Hàng không	Mua hàng	26.950.000	188.925.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Masco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/4/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0400102045) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30/06/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MAS. Ngày bắt đầu giao dịch chính thức là ngày 15/07/2014.

Vốn điều lệ : 42.676.830.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021: 42.676.830.000 đồng

Công ty có 9 đơn vị trực thuộc, bao gồm:

- Chi nhánh Phú Bài;
- Chi nhánh Nha Trang;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Đà Nẵng;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Thừa Thiên Huế;
- Xí nghiệp Vận chuyển hành khách;
- Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay;
- Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không;
- Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ;
- Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 236 3830340
- Fax: (84) 236 3826133
- Email: masco@masco.com.vn
- Website: www.masco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hoá bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, cement);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

Trang 2

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2021 là 250 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 23 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2021

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Ông Lê Giang Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2021

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25/06/2021
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trang 3

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Trang 4

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 147/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 28/02/2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đính kèm từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


T.N.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2022



Dương Thị Vân Thanh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2021-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402 Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.156.325.002	22.331.682.222
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.255.293.320	6.949.392.466
1. Tiền	111	5	8.255.293.320	6.949.392.466
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.050.505.083	7.900.267.861
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.977.854.022	7.245.801.452
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	51.848.511	50.665.740
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	4.514.437.681	2.084.925.668
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.493.635.131)	(1.481.124.999)
IV. Hàng tồn kho	140	10	4.104.389.065	5.142.173.646
1. Hàng tồn kho	141		4.104.389.065	5.142.173.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		746.137.534	2.339.848.249
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	710.892.590	2.304.603.305
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	35.244.944	35.244.944
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.605.378.119	73.246.216.441
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	84.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		54.605.330.227	71.087.350.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	54.084.869.774	70.539.656.505
- Nguyên giá	222		163.337.924.526	190.995.441.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.253.054.752)	(120.455.785.194)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	520.460.453	547.693.781
- Nguyên giá	228		806.083.100	806.083.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(285.622.647)	(258.389.319)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		916.047.892	2.158.866.155
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	916.047.892	2.158.866.155
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		75.761.703.121	95.577.898.663

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 6

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		48.110.743.643	53.543.887.313
I. Nợ ngắn hạn	310		41.666.431.243	44.622.968.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.254.515.758	10.074.739.931
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	14.691.536.120	9.401.814.010
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	993.062.432	823.175.705
4. Phải trả người lao động	314		1.388.861.100	4.140.844.677
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	208.208.330	198.586.781
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	3.149.052.504	4.545.495.840
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	2.887.432.325	3.463.286.489
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	9.944.687.674	9.743.974.780
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.149.075.000	2.231.050.000
II. Nợ dài hạn	330		6.444.312.400	8.920.919.100
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	3.640.000.000	3.640.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	2.804.312.400	5.280.919.100
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.650.959.478	42.034.011.350
I. Vốn chủ sở hữu	410		27.650.959.478	42.034.011.350
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	42.676.830.000	42.676.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.676.830.000	42.676.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	803.208.113	803.208.113
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	(15.829.078.635)	(1.446.026.763)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(955.092.014)	10.707.051.831
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.873.986.621)	(12.153.078.594)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		75.761.703.121	95.577.898.663



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	47.055.568.683	98.974.575.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.969.422.320	1.680.127.819
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		45.086.146.363	97.294.447.841
4. Giá vốn hàng bán	11	25	52.917.658.579	95.613.952.460
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>(7.831.512.216)</u>	<u>1.680.495.381</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	49.299.878	41.008.726
7. Chi phí tài chính	22	27	1.738.979.788	2.398.873.822
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.038.979.792	1.698.873.826
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	2.353.362.406	4.206.554.202
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	7.830.058.544	10.468.457.711
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(19.704.613.076)</u>	<u>(15.352.381.628)</u>
11. Thu nhập khác	31	29	6.760.968.312	4.923.436.367
12. Chi phí khác	32	30	1.893.630.863	660.013.612
13. Lợi nhuận khác	40		<u>4.867.337.449</u>	<u>4.263.422.755</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>(14.837.275.627)</u>	<u>(11.088.958.873)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>(14.837.275.627)</u>	<u>(11.088.958.873)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(3.485)	(2.733)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	(3.485)	(2.733)



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 8

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14.837.275.627)	(11.088.958.873)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	12;13	14.543.585.083	16.326.471.673
- Các khoản dự phòng	03	9	1.012.510.132	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(42.721.990)	(27.214.729)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26;29	(6.403.190.483)	(4.061.710.896)
- Chi phí lãi vay	06	27	1.038.979.792	1.698.873.826
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		<u>(4.688.113.093)</u>	<u>2.847.461.001</u>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.787.666.374	7.956.480.845
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.037.784.581	2.427.705.817
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.633.875.422)	(2.020.049.472)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.836.528.978	1.426.000.134
- Tiền lãi vay đã trả	14	17;27	(984.045.243)	(1.755.137.606)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(868.530.451)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.169.138.365)	(5.318.045.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>(4.813.192.190)</u>	<u>4.695.884.397</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(752.754.034)	(1.813.135.914)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		9.107.801.605	4.047.916.899
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26	6.577.888	13.793.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>8.361.625.459</u>	<u>2.248.574.982</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	11.187.346.320	9.250.629.051
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	20	(13.415.953.827)	(19.542.955.811)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19.a	(10.107.874)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(2.238.715.381)</u>	<u>(10.292.326.760)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5	<u>1.309.717.888</u>	<u>(3.347.867.381)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.949.392.466	10.268.028.034
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(3.817.034)	29.231.813
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	<u>8.255.293.320</u>	<u>6.949.392.466</u>



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 9

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Masco (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/4/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0400102045) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Chế biến suất ăn trên máy bay, kinh doanh thương mại và dịch vụ; đào tạo lái xe ô tô và mô tô.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Giáo dục khách chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hoá bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;

Trang 10

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, cement);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 9 đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Phú Bài;
- Chi nhánh Nha Trang;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Đà Nẵng;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Thừa Thiên Huế;
- Xí nghiệp Vận chuyển hành khách;
- Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay;
- Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không;
- Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ;
- Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Trang 11

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong niên độ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	4 - 6

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trang 14

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khe ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong niên độ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng niên độ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

Trang 15

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Trang 16

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Vận chuyển suất ăn, tiếp viên, tổ lái, taxi, cung ứng suất ăn; nước uống, phí phục vụ; cung cấp các sản phẩm khác phục vụ các chuyến bay: Áp dụng mức thuế suất 10%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 20%;
 - ✓ Đối với hoạt động đào tạo của Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2021		01/01/2021	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		429.320.407		697.787.534
+ VND		333.390.699		600.054.636
+ USD	4.242,80	#	95.929.708	97.732.898
- Tiền gửi ngân hàng		7.825.972.913		6.251.604.932
+ VND		7.786.606.481		6.169.160.824
+ USD	1.738,80	#	39.366.432	82.444.108
Cộng		8.255.293.320		6.949.392.466

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	1.481.124.999
Công ty CP Hàng không VietJet	281.632.883	553.590.141
Công ty CP Hàng không Tre Việt	140.128.306	942.923.897
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	698.741.264	698.741.264
Các đối tượng khác	2.376.226.570	3.569.421.151
Cộng	4.977.854.022	7.245.801.452

Trang 17

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó số dư với các bên liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	698.741.264	698.741.264
Cộng	698.741.264	698.741.264

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Cảng HKQT Phú Bài - CN TCT Cảng HK Việt Nam	-	30.000.000
Nguyễn Ngọc Vũ Long	17.400.000	17.400.000
Các đối tượng khác	34.448.511	3.265.740
Cộng	51.848.511	50.665.740

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.066.191.517	-	1.542.868.927	-
Ký cược, ký quỹ	208.772.760	-	192.000.000	-
Phải thu khác	2.239.473.404	-	350.056.741	-
- Lỗ chia cho các bên hợp tác đầu tư	2.038.111.003	-	-	-
- Phải thu khác	201.362.401	-	350.056.741	-
Cộng	4.514.437.681	-	2.084.925.668	-

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	84.000.000	-	-	-
Cộng	84.000.000	-	-	-

(*) Tiền đặt cọc thuê văn phòng theo Hợp đồng 20/HĐKT/2021/XN109-DVHK thời hạn 2 năm kể từ ngày 01/11/2021.

Trang 18

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	2.144.264.499	1.481.124.999
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	349.370.632	-
Cộng	2.493.635.131	1.481.124.999

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	995.801.784	-	1.687.099.056	-
Công cụ, dụng cụ	42.350.881	-	21.527.916	-
Thành phẩm	1.930.444	-	-	-
Hàng hóa	3.064.305.956	-	3.433.546.675	-
Cộng	4.104.389.065	-	5.142.173.647	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	108.666.000	278.082.112
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất, thuê xe	379.661.666	1.449.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	59.530.438	49.568.174
Chi phí sửa chữa, đào tạo khác	163.034.486	527.953.019
Cộng	710.892.590	2.304.603.305

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	268.379.208	328.803.238
Chi phí đào tạo chứng chỉ nghề lĩnh vực suất ăn	97.841.710	333.408.562
Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh	350.000.000	770.000.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo	199.826.974	726.654.355
Cộng	916.047.892	2.158.866.155

Trang 19

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	54.421.210.597	31.723.061.422	103.607.024.235	1.244.145.445	190.995.441.699
Mua sắm trong năm	488.758.152	228.870.000	-	35.125.882	752.754.034
T/lý, nhượng bán	-	-	28.410.271.207	-	28.410.271.207
Số cuối năm	54.909.968.749	31.951.931.422	75.196.753.028	1.279.271.327	163.337.924.526
Khấu hao					
Số đầu năm	23.479.124.313	18.571.427.531	77.312.257.233	1.092.976.117	120.455.785.194
Khấu hao trong năm	2.935.776.026	3.919.519.637	7.602.775.308	58.280.784	14.516.351.755
T/lý, nhượng bán	-	-	25.719.082.197	-	25.719.082.197
Số cuối năm	26.414.900.339	22.490.947.168	59.195.950.344	1.151.256.901	109.253.054.752
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	30.942.086.284	13.151.633.891	26.294.767.002	151.169.328	70.539.656.505
Số cuối năm	28.495.068.410	9.460.984.254	16.000.802.684	128.014.426	54.084.869.774

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 9.468.216.698 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 47.808.681.445 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	473.227.100	332.856.000	806.083.100
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	473.227.100	332.856.000	806.083.100
Khấu hao			
Số đầu năm	-	258.389.319	258.389.319
Khấu hao trong năm	-	27.233.328	27.233.328
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	285.622.647	285.622.647
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	473.227.100	74.466.681	547.693.781
Số cuối năm	473.227.100	47.233.353	520.460.453

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng được sử dụng để xây dựng văn phòng Công ty và Nhà máy chế biến suất ăn hàng không tại Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 181.856.000 đồng.

Trang 20

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Đỗ Thị Phương Thảo	1.065.741.919	1.131.503.881
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Richy Miền Nam	235.357.368	684.987.368
Lê Tiến Minh	707.340.000	843.780.000
Cảng HKQT Đà Nẵng-CN TCT Cảng HK Việt Nam-CTCP	891.991.905	259.940.893
Các đối tượng khác	3.354.084.566	7.154.527.789
Cộng	6.254.515.758	10.074.739.931

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (bên liên quan)	8.704.618.117	4.142.129.634
Thu tiền trước của học viên Trung tâm dạy nghề Đà Nẵng	5.581.280.002	5.128.160.001
Thu tiền trước của học viên Trung tâm dạy nghề Huế	405.638.001	126.008.000
Các đối tượng khác	-	5.516.375
Cộng	14.691.536.120	9.401.814.010

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	701.423.712	1.888.870.770	1.693.411.665	-	896.882.817
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.244.944	-	-	-	35.244.944	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	121.751.993	92.445.449	118.017.827	-	96.179.615
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Cộng	35.244.944	823.175.705	1.993.316.219	1.823.429.492	35.244.944	993.062.432

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Lãi vay dự trả	128.135.968	73.201.419
Trích trước chi phí đồng phục	-	120.813.000
Chi phí phải trả khác	80.072.362	4.572.362
Cộng	208.208.330	198.586.781

Trang 21

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm dạy nghề Đà Nẵng	2.017.416.951	2.323.481.088
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm dạy nghề Thừa Thiên Huế	1.055.635.553	2.222.014.752
Doanh thu cho thuê xe tập lái	76.000.000	-
Cộng	3.149.052.504	4.545.495.840

19. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	231.420.297	166.385.346
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	810.396.059
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	429.200.000	432.150.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	118.499.924	128.607.798
Phải trả khác	2.108.312.104	1.925.747.286
- Các lái xe taxi (tiền trách nhiệm)	228.743.943	806.796.169
- Các giáo viên dạy lái xe (tiền trách nhiệm)	40.000.000	40.000.000
- Lợi nhuận phải trả cho các bên hợp tác đầu tư	1.186.742.696	902.403.525
- Phải trả khác	652.825.465	176.547.592
Cộng	2.887.432.325	3.463.286.489

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh tại:		
- Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Đà Nẵng	1.640.000.000	1.640.000.000
- Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Thừa Thiên Huế	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.640.000.000	3.640.000.000

Trang 22

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	3.685.461.580	11.187.346.320	9.114.089.826	5.758.718.074
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	3.685.461.580	8.187.346.320	9.114.089.826	2.758.718.074
- Vay cá nhân Lê Bích Hồng	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.058.513.200	2.444.859.600	4.317.403.200	4.185.969.600
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	1.496.903.200	66.009.600	454.043.200	1.108.869.600
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	4.561.610.000	2.378.850.000	3.863.360.000	3.077.100.000
Cộng	9.743.974.780	13.632.205.920	13.431.493.026	9.944.687.674

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	5.280.919.100	-	2.476.606.700	2.804.312.400
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (a)	2.245.819.100	-	97.756.700	2.148.062.400
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (b)	3.035.100.000	-	2.378.850.000	656.250.000
Cộng	5.280.919.100	-	2.476.606.700	2.804.312.400

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- a) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 104/2017/VCB-KHDN ngày 10/10/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 306.358,5 USD, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất theo lãi suất vay cơ bản và margin. Lãi suất vay cơ bản điều chỉnh theo quý. Margin tại ngày ký hợp đồng là 4,2%. Mục đích vay: Mua sắm 3 xe chuyên chở suất ăn phục vụ hoạt động cung ứng suất ăn tại các Sân bay. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Năm 2020, Ngân hàng đã thống nhất điều chỉnh kế hoạch trả nợ của hợp đồng trên bằng Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 26/06/2020. Theo đó, nợ gốc vay đã được gia hạn, cơ cấu nợ đến năm 2023.
- b) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 02/2017-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 15/05/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 1.909.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày giải ngân. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án mua 02 xe ô tô hiệu Ford Ranger. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 03/2018-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 16/07/2018: Số tiền vay theo hợp đồng 10.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu 9% và điều chỉnh theo quý. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí hợp pháp của hoàn vốn đầu tư xây dựng nhà chế biến suất ăn Chi nhánh Cam Ranh. Năm 2021, Ngân hàng đã thống nhất điều chỉnh kế hoạch trả nợ của hợp đồng trên bằng các văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 05/04/2021 và ngày 05/10/2021.

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	42.676.830.000	803.208.113	13.767.051.831	57.247.089.944
Tăng trong năm	-	-	(11.088.958.873)	(11.088.958.873)
Giảm trong năm	-	-	4.124.119.721	4.124.119.721
Số dư tại 31/12/2020	42.676.830.000	803.208.113	(1.446.026.763)	42.034.011.350
Số dư tại 01/01/2021	42.676.830.000	803.208.113	(1.446.026.763)	42.034.011.350
Tăng trong năm	-	-	(14.837.275.627)	(14.837.275.627)
Giảm trong năm	-	-	(454.223.755)	(454.223.755)
Số dư tại 31/12/2021	42.676.830.000	803.208.113	(15.829.078.635)	27.650.959.478

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	15.412.650.000	15.412.650.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.264.180.000	27.264.180.000
Cộng	42.676.830.000	42.676.830.000

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(1.446.026.763)	13.767.051.831
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(14.837.275.627)	(11.088.958.873)
Phân phối lợi nhuận	(454.223.755)	4.124.119.721
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	(490.934.749)	3.060.000.000
+ Chia lỗ cho các bên HĐ hợp tác kinh doanh	(490.934.749)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.760.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	300.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	36.710.994	1.064.119.721
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận HĐ hợp tác đầu tư	163.000.000	121.000.000
+ Chia lãi/(lỗ) cho các bên HĐ hợp tác kinh doanh	(126.289.006)	943.119.721
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(15.829.078.635)	(1.446.026.763)

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2021 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2019 (ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua tỷ lệ 25%/cổ phiếu) là tạm thời công ty chưa chia lợi nhuận năm 2019 nhằm giảm bớt khó khăn về vốn và dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty trong giai đoạn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại (USD)	5.981,60	7.821,88

Trang 25

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng hóa	1.712.438.451	4.770.337.334
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.343.130.232	94.204.238.326
Cộng	47.055.568.683	98.974.575.660

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Chiết khấu thương mại	98.900.320	169.839.819
Hàng bán bị trả lại	1.870.522.000	1.510.288.000
Cộng	1.969.422.320	1.680.127.819

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn hàng hóa đã bán	919.181.765	2.552.826.827
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	51.998.476.814	93.061.125.633
Cộng	52.917.658.579	95.613.952.460

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.577.888	13.793.997
Lãi chênh lệch tỷ giá	42.721.990	27.214.729
Cộng	49.299.878	41.008.726

27. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	1.038.979.792	1.698.873.826
Chiết khấu thanh toán	699.999.996	699.999.996
Cộng	1.738.979.788	2.398.873.822

Trang 26

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dùng cho bán hàng	8.640.226	69.433.848
Chi phí nhân công	732.769.798	1.510.248.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.530.114	45.952.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.475.899.349	2.428.941.882
Các khoản khác	99.522.919	151.977.470
Cộng	2.353.362.406	4.206.554.202

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí công cụ	82.170.603	82.029.256
Chi phí nhân viên quản lý	4.440.933.952	7.697.902.071
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.012.510.132	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.016.125	2.174.837.735
Các khoản khác	414.427.732	513.688.649
Cộng	7.830.058.544	10.468.457.711

29. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập từ thanh lý tài sản	6.396.612.595	4.047.916.899
Nhập kho hàng tận dụng	126.493.111	106.819.751
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	97.864.800	565.404.030
Các khoản khác	139.997.806	203.295.687
Cộng	6.760.968.312	4.923.436.367

30. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Chi thường tận dụng	48.568.000	33.914.000
Chi phí xuất hủy hàng	233.883.752	36.085.424
Thù lao Ban Kiểm Soát	118.560.000	118.800.000
Các khoản khác	1.492.619.111	471.214.188
Cộng	1.893.630.863	660.013.612

Trang 27

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.837.275.627)	(11.088.958.873)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.625.049.008	1.025.910.264
- Điều chỉnh tăng	1.625.049.008	1.058.455.493
+ Chi phí không được trừ	1.584.989.470	999.189.303
+ Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ tiền và các khoản phải thu năm trước	32.545.229	59.266.190
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ tiền và các khoản phải thu năm nay	7.514.309	-
- Điều chỉnh giảm	-	32.545.229
+ Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ tiền và các khoản phải thu năm nay	-	32.545.229
Tổng thu nhập chịu thuế	(13.212.226.619)	(10.063.048.609)
- Thu nhập từ hoạt động được hưởng ưu đãi	3.896.171.644	2.188.056.459
- Thu nhập từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	(17.108.398.263)	(12.251.105.068)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế TNDN hoạt động được hưởng ưu đãi (10%)	-	-
- Thuế TNDN từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.837.275.627)	(11.088.958.873)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(36.710.994)	(573.184.972)
- Điều chỉnh tăng	1.547.176.254	-
+ Lỗ chia hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.547.176.254	-
- Điều chỉnh giảm	1.583.887.248	573.184.972
+ Trích các quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS	163.000.000	121.000.000
+ Lợi nhuận chia hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.420.887.248	452.184.972
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(14.873.986.621)	(11.662.143.845)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.267.683	4.267.683
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	(3.485)	(2.733)

- Chi tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2020 được tính lại căn cứ vào số liệu phân chia lỗ cho hợp đồng hợp tác kinh doanh ở trung tâm dạy nghề, lái xe ô tô, mô tô Masco Đà Nẵng.

Trang 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.638.589.323	31.713.068.532
Chi phí nhân công	17.791.815.854	33.928.499.411
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.543.585.083	16.326.471.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.567.228.991	19.631.493.696
Chi phí khác bằng tiền	3.628.168.381	6.136.604.234
Cộng	61.169.387.632	107.736.137.546

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là cung cấp các dịch vụ liên quan đến hàng không (suất ăn, vận chuyển tổ lái...) và ba bộ phận địa lý chính là Tỉnh Thừa Thiên Huế, Tỉnh Khánh Hòa và Thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý mà Công ty hoạt động.

Trang 29

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi tiêu	Thành phố Đà Nẵng		Tỉnh Khánh Hòa		Tỉnh Thừa Thiên Huế		Cộng	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	23.901.745.376	61.698.032.324	3.559.411.737	15.480.017.599	19.594.411.570	21.796.525.737	47.055.568.683	98.974.575.660
Các khoản giảm trừ doanh thu	253.855.000	545.317.819	9.385.320	-	1.706.182.000	1.134.810.000	1.969.422.320	1.680.127.819
D.thu thuần về bán hàng & CCDV	23.647.890.376	61.152.714.505	3.550.026.417	15.480.017.599	17.888.229.570	20.661.715.737	45.086.146.363	97.294.447.841
Giá vốn hàng bán	28.925.597.916	59.171.780.312	11.154.704.423	20.862.494.645	12.837.356.240	15.579.677.503	52.917.658.579	95.613.952.460
L.N gộp về bán hàng & cc dịch vụ	(5.277.707.540)	1.980.934.193	(7.604.678.006)	(5.382.477.046)	5.050.873.330	5.082.038.234	(7.831.512.216)	1.680.495.381
Chi phí khấu hao	8.153.392.435	9.562.844.245	5.374.667.873	5.741.127.277	1.015.524.775	1.022.500.151	14.543.585.083	16.326.471.673

Chi tiêu	Thành phố Đà Nẵng		Tỉnh Khánh Hòa		Tỉnh Thừa Thiên Huế		Cộng	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản cố định	14.615.376.713	25.424.832.276	32.697.316.787	38.071.984.660	7.292.636.727	7.590.533.350	54.605.330.227	71.087.350.286
- Nguyên giá	62.824.564.906	91.199.710.231	75.723.114.571	75.723.114.571	25.596.328.149	24.878.699.997	164.144.007.626	191.801.524.799
- Khấu hao lũy kế	(48.209.188.193)	(65.774.877.955)	(43.025.797.784)	(37.651.129.911)	(18.303.691.422)	(17.288.166.647)	(109.538.677.399)	(120.714.174.513)

Trang 30

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty có các giao dịch vay nợ bằng ngoại tệ và cung ứng suất ăn với các Hãng hàng không quốc tế nên sẽ chịu rủi ro về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính		
Tiền (USD)	5.981,60	7.821,88
Phải thu khách hàng (USD)	6.000,00	4.070,00
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ (USD)	142.100,00	161.220,00
Phải trả khác (USD)	10.000,00	10.000,00

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết với ngân hàng. Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực cung cấp suất ăn hàng không nên các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 trong suốt 2 năm qua (như kiểm soát biên giới, hạn chế đi lại, giãn cách xã hội,...) đã tác động tiêu cực làm giảm sút nghiêm trọng nguồn thu của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã làm việc với các ngân hàng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ, giãn nợ và giảm lãi suất đi vay. Công ty cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính là ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách đặt hàng theo quý, đối với các mặt hàng tiêu thụ với số lượng và giá trị lớn (cung ứng các loại nước uống trên máy bay), Công ty ký hợp đồng với nhà cung ứng cam kết giá bán cho Công ty được cố định 1 năm, hoặc ký hợp đồng mua hàng với điều khoản thanh toán sau khi hàng đã được tiêu thụ và áp dụng chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp, mua hàng thường xuyên với số lượng lớn tại một nhà cung cấp để được hưởng chính sách ưu đãi ... chủ động theo dõi thị

Trang 31

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trường để nắm bắt tình hình biến động, từ đó đưa ra các quyết sách để giảm ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các Hãng Hàng không. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách ký quỹ để thực hiện hợp đồng và yêu cầu thanh toán các khoản nợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh nợ. Đối với khách hàng không thanh toán đúng hạn, Công ty thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng, tiến hành các biện pháp đòi nợ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.254.515.758	-	6.254.515.758
Chi phí phải trả	208.208.330	-	208.208.330
Vay và nợ thuê tài chính	9.944.687.674	2.804.312.400	12.749.000.074
Phải trả khác	2.656.012.028	3.640.000.000	6.296.012.028
Cộng	19.063.423.790	6.444.312.400	25.507.736.190
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.074.739.931	-	10.074.739.931
Chi phí phải trả	198.586.781	-	198.586.781
Vay và nợ thuê tài chính	9.743.974.780	5.280.919.100	15.024.893.880
Phải trả khác	2.486.505.084	3.640.000.000	6.126.505.084
Cộng	22.503.806.576	8.920.919.100	31.424.725.676

Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện tại Công ty đang có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Trang 32

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.255.293.320	-	8.255.293.320
Phải thu khách hàng	2.484.218.891	-	2.484.218.891
Phải thu khác	2.448.246.164	84.000.000	2.532.246.164
Cộng	13.187.758.375	84.000.000	13.271.758.375
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.949.392.466	-	6.949.392.466
Phải thu khách hàng	5.764.676.453	-	5.764.676.453
Phải thu khác	542.056.741	-	542.056.741
Cộng	13.256.125.660	-	13.256.125.660

36. Thông tin các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty đầu tư
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính

	Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Bán hàng	14.592.958.840	34.201.561.699

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT	19.500.000	30.000.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	10.920.000	16.800.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	10.920.000	16.800.000
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT	10.920.000	16.800.000
	Tổng giám đốc	258.900.000	261.635.204
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	10.920.000	16.800.000
	Phó Tổng Giám đốc	202.548.000	232.412.985
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	202.548.000	232.179.189

Trang 33

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Sự kiện quan trọng trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 đã lan rộng toàn cầu từ đầu năm 2020 và kéo dài đến hiện nay. Hệ lụy của nó làm kinh tế toàn cầu suy thoái và ảnh hưởng tiêu cực đến rất nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, các quy định về hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới và giãn cách xã hội được thực hiện ở hầu hết các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực cung cấp suất ăn hàng không, việc sụt giảm đáng kể nhu cầu du lịch/đi lại bằng đường hàng không đã tác động tiêu cực đến môi trường kinh doanh của Công ty. Theo đó, nguồn thu năm 2021 giảm mạnh so với các năm trước; doanh thu năm 2021 của Công ty chỉ đạt 48% so với doanh thu năm 2020 và đạt 18% doanh thu 2019 (trước khi có dịch bệnh).

Công ty đã triển khai nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí; đàm phán với nhà cung cấp để giảm giá hàng hóa, dịch vụ đầu vào; điều chỉnh các chính sách lao động và sử dụng lao động, đàm phán giảm lãi, giãn nợ với ngân hàng. Ngoài ra, Công ty đã thu hẹp quy mô hoạt động của xí nghiệp vận chuyển theo phương án thanh lý 50 xe taxi với thu nhập thuần từ hoạt động thanh lý là 6.396.612.595 đồng. Trong năm 2021, Công ty vẫn phát sinh lỗ từ hoạt động cung cấp suất ăn là 12.127.679.194 đồng.

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Chính phủ đã quyết định mở lại các đường bay quốc tế từ ngày 15/02/2022 và chính thức mở cửa du lịch từ ngày 15/03/2022. Thực hiện chủ trương này, toàn ngành hàng không đã khẩn trương mở lại các đường bay đến các thị trường trọng điểm. Chính sách “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh và phục hồi, phát triển kinh tế xã hội” của Chính phủ sẽ mang lại tín hiệu tích cực đối với hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm đến.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Đông